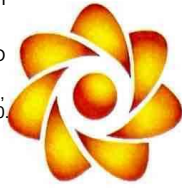


SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN HELIO ENERGY
DN: C=VN, S=Hà Nội, O=
CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO
ENERGY, CN=CÔNG TY
CỔ PHẦN HELIO ENERGY,
OID.0.9.2342.19200300.100,
1.1=MST:0109204756
Reason: I am the author of
this document
Location:
Date: 2026.10.22
13:34:37
+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
12.1.1



HelioEnergy

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2020, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 30/03/2026)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số 78/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 10 năm 2026)

Bản cáo bạch này và các phụ lục của Bản cáo bạch sẽ được cung cấp từ ngày 23/10/2026 tại:

I. TỔ CHỨC NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

Trụ sở chính: Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243 226 3333

Website: <https://helioenergy.vn>

II. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT

Trụ sở chính: Lầu 1, 117-119-121 Nguyễn Du, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028. 6255 6586

Fax: 028. 6255 6580

Website: <https://www.vfs.com.vn>

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Ông Bùi Tuấn Dương

Số điện thoại: 08 33 99 1616

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2020, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 30/03/2026)



HelioEnergy

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Helio Energy
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu	: HIO
Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết	: 42.000.000 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá	: 420.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ trụ sở chính: Số 2, Đường Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (028) 3824 5252 Fax: (028) 3824 5250

Website: https://www.ey.com/vi_vn

Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C – chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ trụ sở chính: 40 Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (024) 37 367 879 Fax: (024) 37 367 869

Website: <https://a-c.com.vn/vn>

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 1, 117-119-121 Nguyễn Du, P. Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (028) 6255 6586 Fax: (028) 6255 6580

Website: <https://www.vfs.com.vn>



MỤC LỤC

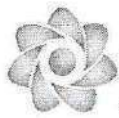


I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	1
1. Tổ chức đăng ký niêm yết.....	1
2. Tổ chức tư vấn.....	1
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	2
1. Rủi ro về kinh tế.....	2
2. Rủi ro về luật pháp.....	4
3. Rủi ro đặc thù.....	4
4. Rủi ro quản trị công ty.....	7
5. Rủi ro khác.....	8
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	8
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....	10
1. Thông tin chung về Công ty.....	10
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	13
3. Cơ cấu tổ chức của tổ chức đăng ký niêm yết.....	15
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của tổ chức đăng ký niêm yết.....	22
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 2 năm gần nhất và đến thời điểm hiện tại.	25
6. Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức đăng ký niêm yết.....	25
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết tại các doanh nghiệp khác.....	28
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	28
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	29
10. Hoạt động kinh doanh.....	29
11. Chính sách đối với người lao động.....	102
12. Chính sách cổ tức.....	104
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký niêm yết.....	104
14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức đăng ký niêm yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết và việc niêm yết cổ phiếu.....	104
15. Thông tin về cam kết của Tổ chức đăng ký niêm yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	104
16. Thông tin về việc tổ chức đăng ký niêm yết, người đại diện theo pháp luật của tổ chức đăng ký niêm yết không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán năm 2019 và Khoản 5 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.	105



V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	106
1. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	106
2. Tình hình tài chính	108
3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty	126
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	132
1. Thông tin về cổ đông sáng lập	132
2. Thông tin về cổ đông lớn	132
3. Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	133
VII. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....	147
1. Loại cổ phiếu.....	147
2. Mệnh giá cổ phiếu.....	147
3. Mã cổ phiếu: HIO.....	147
4. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết.....	147
5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết.....	147
6. Phương pháp tính giá	148
7. Các loại thuế có liên quan	149
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....	151
1. Tổ chức kiểm toán.....	151
2. Tổ chức tư vấn.....	151
3. Ý kiến của Tổ chức tư vấn về việc đăng ký niêm yết	151
IX. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....	151
X. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	152
XI. PHỤ LỤC	153

(Phần dưới của trang này được cố tình để trống)



DANH MỤC BIỂU ĐỒ



Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2011-2025.....	2
Biểu đồ 2: Tốc độ tăng CPI của của Việt Nam trong các năm giai đoạn 2016-2025.....	3
Biểu đồ 3: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty.....	15
Biểu đồ 4: Sơ đồ cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý của Công ty.....	22

DANH MỤC BẢNG



Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Helio Energy	10
Bảng 2: Cơ cấu HĐQT đương nhiệm của Công ty	23
Bảng 3: Cơ cấu Ủy ban kiểm toán đương nhiệm của Công ty	23
Bảng 4: Cơ cấu Ban điều hành đương nhiệm của Công ty	23
Bảng 5: Tóm tắt quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty	25
Bảng 6: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 06/07/2026.....	28
Bảng 7: Các Dự án điện mặt trời đang được vận hành tại Công ty và các công ty con	32
Bảng 8: Cơ cấu doanh thu thuần (Công ty mẹ).....	47
Bảng 9: Cơ cấu doanh thu thuần (Hợp nhất)	47
Bảng 10: Cơ cấu Lợi nhuận gộp (Công ty mẹ).....	51
Bảng 11: Cơ cấu Lợi nhuận gộp (Hợp nhất).....	52
Bảng 12: Cơ cấu chi phí (Công ty mẹ)	53
Bảng 13: Cơ cấu chi phí (Hợp nhất)	54
Bảng 14: Tình hình tài sản tại ngày 31/12/2025 (Công ty mẹ).....	62
Bảng 15: Tình hình tài sản tại ngày 31/12/2025 (Hợp nhất)	62
Bảng 16: Tình hình tài sản tại ngày 30/06/2026 (Công ty mẹ).....	63
Bảng 17: Tình hình tài sản tại ngày 30/06/2026 (Hợp nhất)	63
Bảng 18: Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2024 và 2025 của các công ty con trực tiếp của Công ty.....	67
Bảng 19: Các hợp đồng lớn của Công ty mẹ	77
Bảng 20: Các hợp đồng lớn tại các Công ty con.....	79
Bảng 21: Các khách hàng lớn của Công ty mẹ	87
Bảng 22: Các khách hàng lớn của Công ty con	88
Bảng 23: Nhà cung cấp lớn của Công ty mẹ.....	91
Bảng 24: Nhà cung cấp lớn của Công ty con.....	92
Bảng 25: Cơ cấu nguồn điện giai đoạn 2030 – 2050	96
Bảng 26: Cơ cấu người lao động tại Công ty.....	102
Bảng 27: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh (Công ty mẹ).....	106
Bảng 28: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh (Hợp nhất).....	106
Bảng 29: Vốn điều lệ, nguồn vốn	109
Bảng 30: Khấu hao tài sản cố định	109
Bảng 31: Thu nhập bình quân.....	109
Bảng 32: Các khoản phải thu (Công ty mẹ).....	111
Bảng 33: Các khoản phải thu (Hợp nhất)	112
Bảng 34: Các khoản phải trả (Công ty mẹ).....	117
Bảng 35: Các khoản phải trả (Hợp nhất)	117
Bảng 36: Các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty	122
Bảng 37: Chi tiết các quỹ của Công ty	123
Bảng 38: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty.....	123



Bảng 39: Các chỉ tiêu tài chính theo báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước của Công ty	124
Bảng 40: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2026	128
Bảng 41: Sở hữu của cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn.....	132
Bảng 42: Danh sách Hội đồng quản trị đương nhiệm.....	133
Bảng 43: Danh sách Ủy ban kiểm toán đương nhiệm	142
Bảng 44: Danh sách Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đương nhiệm	143
Bảng 45: Danh mục cổ đông hạn chế chuyển nhượng theo quy định với tổ chức đăng ký niêm yết	147



(Phần dưới của trang này được cố tình để trống)



NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức đăng ký niêm yết

Ông Phan Thành Đạt	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tuấn Dương	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Trang	Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà Phạm Thị Thu Trang	Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Bà Trịnh Thị Lan	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
------------------	----------------------------

Theo Ủy quyền số 31/2025/UQ-VFS ngày 05/12/2025 của Tổng Giám đốc – người đại diện theo pháp luật.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 2004/2026/HĐTV/VFS-HIO ngày 20/04/2026 với Công ty Cổ phần Helio Energy. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Helio Energy cung cấp.

(Phần dưới của trang này được cố tình để trống)



II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

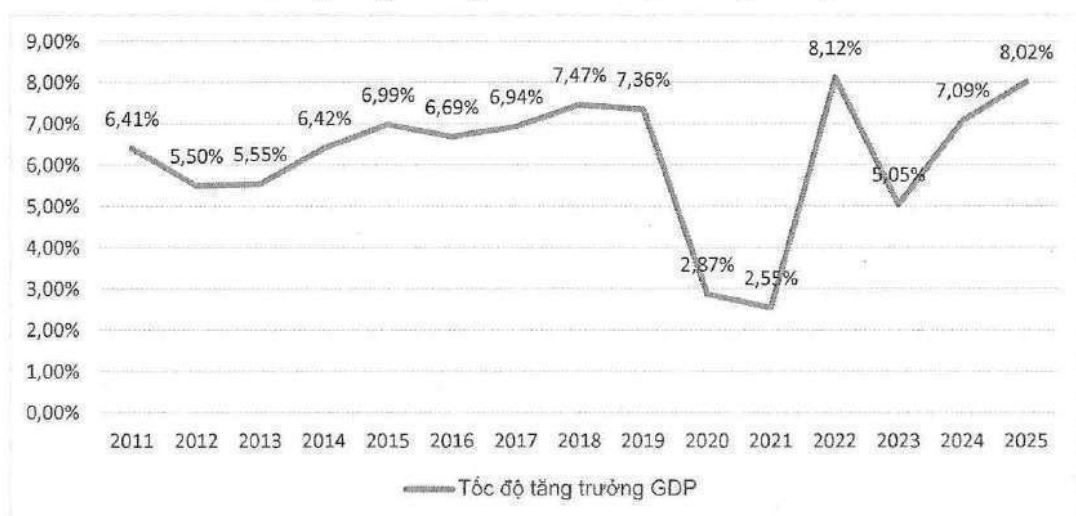
1. Rủi ro về kinh tế

1.1. Rủi ro Tăng trưởng kinh tế

Tình hình kinh tế thế giới trong giai đoạn gần đây đang chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố bất định, bao gồm xung đột địa chính trị diễn biến phức tạp, cạnh tranh chiến lược giữa các nền kinh tế lớn, xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng, cùng với các rủi ro về nợ công và thâm hụt ngân sách tại nhiều quốc gia. Bên cạnh đó, tăng trưởng của một số nền kinh tế lớn có xu hướng chậm lại, trong khi chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục đối mặt với tình trạng gián đoạn cục bộ. Các yếu tố này đã và đang tác động không mấy tích cực đến môi trường hòa bình, ổn định và triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Mặc dù có xu hướng chậm lại, song nền kinh tế thế giới vẫn đang duy trì đà tăng trưởng ổn định. Theo bản cập nhật Triển vọng Kinh tế Thế giới mới nhất do Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) công bố, tăng trưởng toàn cầu dự kiến sẽ duy trì ổn định ở mức 3,1% vào năm 2026 và 3,2% vào năm 2027, nhìn chung tương đương với mức 3,2% của năm 2025.

Về tình hình tăng trưởng kinh tế trong nước, theo số liệu mới nhất của Cục Thống kê, Tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2025 đạt 8,02%, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của năm 2022 trong giai đoạn 2011 – 2025, mức cao ấn tượng trong bối cảnh kinh tế thế giới biến động, thuộc nhóm dẫn đầu thế giới.

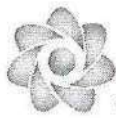
Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2011-2025



(Nguồn: Cục Thống kê)

Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08% vào tăng trưởng chung. Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2025 ước đạt khoảng 12.847,6 nghìn tỷ đồng (tương đương ~514 tỷ USD), với GDP bình quân đầu người đạt khoảng 5.026 USD/người. Các chỉ tiêu thống kê cho thấy kinh tế vĩ mô trong nước tiếp tục ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp, cung cầu hàng hóa thiết yếu được bảo đảm, hoạt động mua sắm hàng hóa và tiêu dùng nội địa duy trì mức tăng khá, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế – xã hội.

Tuy nhiên, tình hình kinh tế – xã hội trong nước thời gian tới dự kiến sẽ đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, trong bối cảnh địa chính trị và kinh tế toàn cầu tiếp tục diễn biến phức tạp.



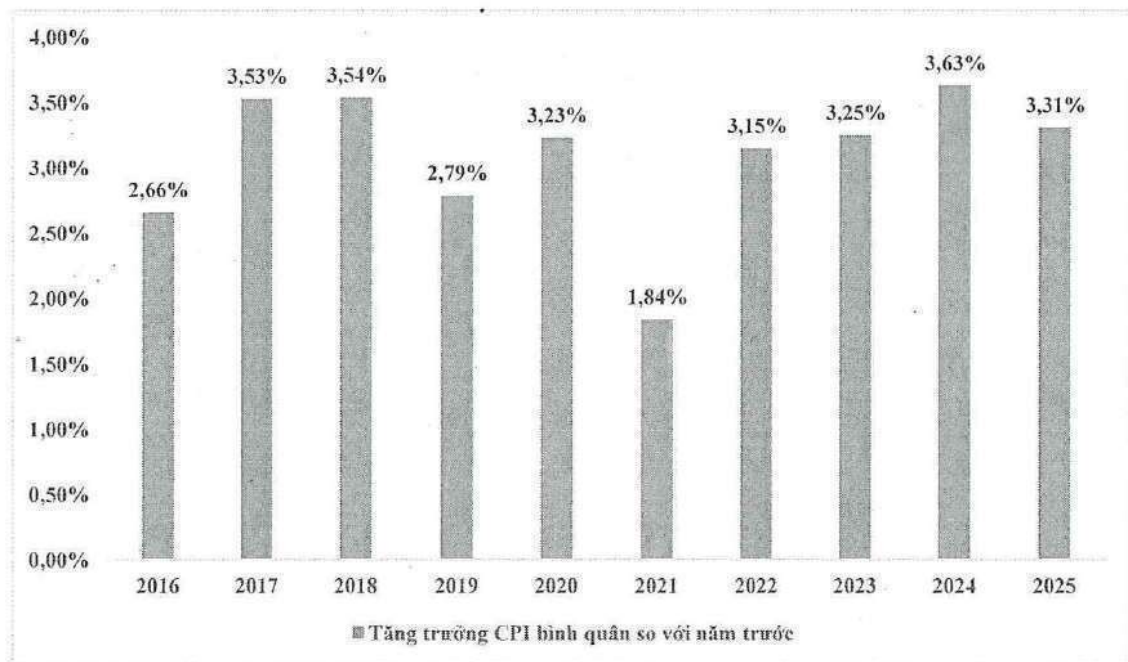
Helio Energy hiện đang hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo. Do đặc thù ngành điện có mức độ thiết yếu cao, nhu cầu sử dụng điện nhìn chung ít biến động hơn so với các ngành khác trong nền kinh tế. Tuy nhiên, Công ty vẫn có thể chịu tác động gián tiếp từ biến động kinh tế vĩ mô, thông qua ảnh hưởng đến nhu cầu phụ tải điện và cơ chế huy động công suất của hệ thống điện quốc gia. Nhận thức được rủi ro này, Công ty thường xuyên theo dõi, nghiên cứu các chỉ số kinh tế vĩ mô và xu hướng tiêu thụ điện để điều chỉnh kế hoạch đầu tư và vận hành phù hợp.

Từ những phân tích trên cho thấy năm 2026 sẽ là một năm có nhiều cơ hội cũng như những thách thức đối với Helio Energy.

1.2. Rủi ro Lạm phát

Rủi ro tài chính của doanh nghiệp thường gắn liền với biến động lạm phát trong nền kinh tế. Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam chịu áp lực lạm phát nhất định, tuy nhiên đã được kiểm soát hiệu quả thông qua các chính sách điều hành của Chính phủ nhằm ổn định kinh tế vĩ mô. Theo số liệu công bố của Cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm 2023, trong khi lạm phát cơ bản tăng 2,71%. Mức lạm phát cơ bản thấp hơn CPI chủ yếu do các yếu tố như giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, dịch vụ giáo dục và y tế – là các nhóm hàng không được tính trong chỉ số lạm phát cơ bản – có mức tăng tương đối cao. Năm 2025, CPI bình quân của Việt Nam tăng 3,31%, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra, với lạm phát cơ bản tăng 3,21%. Kết quả này phản ánh hiệu quả của các biện pháp điều hành giá, đảm bảo cung ứng hàng hóa và kiểm soát các yếu tố chi phí đầu vào của nhà nước.

Biểu đồ 2: Tốc độ tăng CPI của của Việt Nam trong các năm giai đoạn 2016-2025



(Nguồn: Cục thống kê)

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 4,38% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,12%.

Trong bối cảnh hiện tại, mặc dù lạm phát tại Việt Nam đang được kiểm soát ở mức hợp lý, áp lực lạm phát vẫn hiện hữu do biến động giá năng lượng, nguyên vật liệu và chính sách tiền tệ toàn cầu. Đối với ngành năng lượng tái tạo, chi phí đầu tư ban đầu phụ thuộc đáng kể vào giá thiết bị và chi phí



xây dựng, vốn có xu hướng biến động theo lạm phát. Bên cạnh đó, chi phí vận hành và bảo trì cũng có thể tăng theo thời gian, trong khi đối với các dự án đã ký hợp đồng mua bán điện với giá cố định, Công ty không thể điều chỉnh giá bán để bù đắp chi phí gia tăng. Ngoài ra, lạm phát thường đi kèm với xu hướng tăng lãi suất, dẫn đến chi phí vay vốn cao hơn, làm giảm lợi nhuận và gây áp lực lên dòng tiền của Công ty.

Trong giai đoạn tiếp theo, đối với doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng, lạm phát tăng cao cũng sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động của Helio Energy. Nhằm kiểm soát các tác động của lạm phát, Công ty thực hiện đánh giá định kỳ các yếu tố chi phí đầu vào và xây dựng các kịch bản tài chính để tối ưu hiệu quả tổng thể của danh mục dự án.

2. Rủi ro về luật pháp

Công ty Cổ Phần Helio Energy hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất điện năng, theo mô hình Công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Điện lực và các Luật khác có phạm vi điều chỉnh, các thông tư hướng dẫn liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật hiện hành. Do đó, việc ban hành, sửa đổi hoặc bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị của Công ty. Bên cạnh đó, Helio Energy chịu sự quản lý, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC), Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam (VNX), Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC), Cục Thuế và các cơ quan quản lý liên quan khác. Theo đó, bất kỳ thay đổi nào trong chính sách, quy định pháp luật hoặc cơ chế quản lý của các cơ quan này đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Mặc dù vậy, rủi ro pháp lý là rủi ro mang tính hệ thống, áp dụng chung đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Công ty thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật, chủ động điều chỉnh hoạt động quản trị và sản xuất kinh doanh nhằm thích ứng với các thay đổi của môi trường pháp lý, qua đó hạn chế các tác động bất lợi và tận dụng các cơ hội phát sinh từ thay đổi chính sách.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro về chính sách của Nhà nước

(1) Cắt giảm giá điện:

Theo Đề án Phát triển thị trường năng lượng cạnh tranh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Thị trường điện tại Việt Nam đang trong quá trình phát triển theo lộ trình thị trường điện cạnh tranh, trong đó thị trường phát điện cạnh tranh đã vận hành, thị trường bán buôn điện cạnh tranh đã được triển khai, trong khi thị trường bán lẻ điện cạnh tranh đang trong giai đoạn hoàn thiện. Do đó, về cơ bản Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) vẫn có vị thế độc quyền trong ngành điện với chức năng truyền tải và phân phối điện trên cả nước. Sản lượng điện sản xuất được của các nhà máy điện đáp ứng đủ điều kiện được mua bán thông qua một hợp đồng mua bán điện mẫu với thời hạn 20 năm. Hiện có một số rủi ro liên quan đến hợp đồng mua bán điện như:

- Sau khi hợp đồng mua bán điện hết thời hạn 20 năm thì một hợp đồng mua bán điện mới có thể được ký kết với các điều kiện, điều khoản mới không hấp dẫn như trong hợp đồng mua bán điện trước.
- Sự thay đổi chính sách liên quan đến cơ chế giá, cơ chế đấu thầu phát triển điện mặt trời ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư, kinh doanh. Cụ thể: các dự án điện mặt trời nổi lưới vận hành trước



ngày 30/06/2019 được hưởng mức giá mua điện là 9,35 UScents/kWh; còn các dự án điện mặt trời mái nhà vận hành từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2020 được áp dụng mức giá 8,38 UScents/kWh. Toàn bộ các dự án điện mặt trời của Helio Energy và các công ty con đều đã được vận hành thương mại và ký kết hợp đồng mua bán điện trong giai đoạn năm 2019 - 2020, và được hưởng các mức giá ưu đãi nêu trên. Đối với các dự án điện mặt trời đang và sắp triển khai đầu tư xây dựng và thực hiện, Bộ Công Thương đã ban hành khung giá phát điện năm 2025 áp dụng đối với các dự án điện tái tạo, theo đó mức giá mua điện có xu hướng thấp hơn so với giai đoạn trước đây.

Đánh giá về hiệu quả kinh tế ngay từ khi xây dựng dự án, với cơ chế giá điện được xác định theo hợp đồng mua bán điện đã ký kết, Công ty vẫn đảm bảo hiệu quả đầu tư và an toàn tài chính. Đối với hoạt động M&A các Dự án điện sẵn có, Công ty luôn ưu tiên lựa chọn các Dự án đã đi vào vận hành thương mại và hưởng giá điện ưu đãi theo Quyết định của Chính phủ, đảm bảo đáp ứng thủ tục pháp lý và có tiềm năng sinh lời hấp dẫn.

(2) Cắt giảm công suất:

Sau giai đoạn phát triển nhanh của các dự án năng lượng tái tạo, đặc biệt trong giai đoạn 2019–2020 dưới cơ chế giá ưu đãi (FIT), hệ thống điện tại một số khu vực, chủ yếu tại miền Trung và miền Nam, đã phát sinh tình trạng quá tải cục bộ. Trong các thời điểm phụ tải thấp hoặc khi khả năng truyền tải bị hạn chế, Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia có thể yêu cầu các nhà máy điện, bao gồm các dự án điện mặt trời, thực hiện cắt giảm công suất nhằm đảm bảo an toàn, ổn định vận hành hệ thống điện quốc gia.

Theo hiện trạng vận hành thực tế của các dự án điện mặt trời, nguy cơ quá tải cục bộ và cắt giảm công suất vẫn có thể xảy ra, đặc biệt tại các khu vực có tỷ trọng nguồn năng lượng tái tạo cao. Đối với các dự án điện mặt trời kết hợp công nghệ cao, dự án đấu nối trực tiếp với đường điện dân dụng 22kV, tỉ lệ cắt giảm sản lượng điện là cao, khoảng 15-20% so với tổng sản lượng điện. Đối với dự án điện mặt trời lớn đấu nối trực tiếp với đường điện cao thế 110kV và các dự án điện mặt trời nhỏ có nhiều khu công nghiệp xung quanh, tỉ lệ cắt giảm sản lượng là thấp, từ 5-7% so với tổng sản lượng điện. Tuy nhiên trong thời gian gần đây, hệ thống lưới điện truyền tải quốc gia đã được đầu tư, nâng cấp, bao gồm việc đưa vào vận hành một số công trình trọng điểm như đường dây 500kV mạch 3, qua đó góp phần cải thiện khả năng giải tỏa công suất giữa các vùng. Xu hướng cắt giảm sản lượng điện phát do quá tải đường dây ngày càng được cải thiện theo hướng tích cực. Tuy nhiên, trong trường hợp hệ thống điện tiếp tục chịu áp lực quá tải hoặc nhu cầu tiêu thụ điện tăng trưởng chậm hơn dự kiến, dự án điện mặt trời vẫn có thể đối mặt với rủi ro bị cắt giảm công suất, từ đó ảnh hưởng đến sản lượng điện phát và doanh thu. Đối với các dự án điện mặt trời hiện tại của Công ty, mức độ cắt giảm công suất trong thời gian qua được đánh giá là không đáng kể do đặc thù quy mô phân tán và bám sát phụ tải, nên doanh thu và lợi nhuận vẫn đảm bảo, không có rủi ro về tài chính.

Trong dài hạn, theo định hướng phát triển ngành điện tại Việt Nam, tỷ trọng năng lượng tái tạo dự kiến tiếp tục gia tăng theo Quy hoạch điện VIII điều chỉnh (Quyết định số 768/QĐ-TTg), trong đó năng lượng tái tạo (không bao gồm thủy điện lớn) dự kiến chiếm khoảng 28%–36% vào năm 2030 và có thể đạt khoảng 70%–75% vào năm 2050. Việc gia tăng nhanh tỷ trọng nguồn năng lượng tái tạo đòi hỏi hệ thống truyền tải và điều độ phải tiếp tục được đầu tư, nâng cấp tương ứng; trong trường hợp tiến độ phát triển lưới điện không theo kịp tốc độ phát triển nguồn điện, rủi ro cắt giảm công suất vẫn có thể tiếp diễn.



3.2. *Rủi ro về tỷ giá*

Đối với các dự án điện mặt trời đã ký kết hợp đồng mua bán điện (PPA) theo cơ chế giá ưu đãi (FIT), giá bán điện được xác định bằng đô la Mỹ (UScents/kWh). Do đó, doanh thu của các dự án này khi ghi nhận bằng đồng Việt Nam chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi biến động tỷ giá. Cụ thể, đối với các dự án điện mặt trời mái nhà, tỷ giá áp dụng là tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày cuối cùng của năm trước để làm cơ sở thanh toán cho năm kế tiếp. Trong khi đó, đối với các dự án nhà máy điện mặt trời, tỷ giá được xác định theo mức tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại từng thời điểm lập hóa đơn. Trong bối cảnh tỷ giá có thể biến động theo diễn biến kinh tế vĩ mô trong nước và quốc tế, doanh thu thực tế của Công ty tính bằng đồng Việt Nam có thể tăng hoặc giảm tương ứng với biến động của tỷ giá.

Đối với các dự án điện mặt trời triển khai trong tương lai, cơ chế giá điện có thể không còn áp dụng hoàn toàn theo mô hình giá FIT gắn với đô la Mỹ như trước đây, do đó mức độ ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá có thể thay đổi tùy theo cơ chế giá điện và điều khoản hợp đồng cụ thể. Tuy nhiên, Công ty vẫn có thể chịu tác động gián tiếp từ biến động tỷ giá thông qua chi phí đầu tư, chi phí vay vốn hoặc chi phí nhập khẩu thiết bị.

3.3. *Rủi ro về điều kiện tự nhiên*

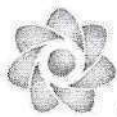
Các yếu tố thời tiết và điều kiện khí hậu có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất điện từ các nguồn năng lượng tái tạo. Đối với các dự án điện mặt trời, sản lượng điện phụ thuộc trực tiếp vào cường độ bức xạ mặt trời, thời gian chiếu sáng trong ngày và điều kiện thời tiết tại khu vực lắp đặt. Các yếu tố như mây che phủ, mưa kéo dài, bụi bẩn, ô nhiễm không khí hoặc các hiện tượng thời tiết cực đoan có thể làm giảm lượng bức xạ thực tế so với dự báo, từ đó ảnh hưởng đến sản lượng điện phát và doanh thu của Công ty. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu ngày càng rõ nét, sự gia tăng tần suất và mức độ bất thường của các hiện tượng thời tiết có thể làm gia tăng mức độ biến động của sản lượng điện.

Để hạn chế các tác động bất lợi nêu trên, Công ty đã thực hiện ứng dụng các mô hình dự báo bức xạ và thời tiết trong công tác lập kế hoạch vận hành; thực hiện bảo trì, vệ sinh tấm pin định kỳ nhằm duy trì hiệu suất phát điện; đồng thời lựa chọn thiết bị có chất lượng cao và theo dõi chặt chẽ hiệu suất vận hành của hệ thống để kịp thời có các biện pháp xử lý phù hợp.

3.4. *Rủi ro về môi trường*

Việc quản lý, thu hồi và xử lý tấm pin năng lượng mặt trời sau khi hết vòng đời đang trở thành một vấn đề môi trường cần được quan tâm cùng với quá trình phát triển nhanh của ngành năng lượng tái tạo. Tấm pin mặt trời có tuổi thọ sử dụng tương đối dài, thường khoảng 20–30 năm. Sau thời gian này, chất lượng và hiệu suất hoạt động của tấm pin có thể suy giảm, dẫn đến nhu cầu thay thế, thu hồi và xử lý các tấm pin không còn đáp ứng yêu cầu vận hành. Do các dự án điện mặt trời tại Việt Nam được đầu tư và đưa vào vận hành chủ yếu từ giai đoạn 2018–2020, lượng tấm pin hết vòng đời hiện chưa ở mức lớn nhưng được dự báo sẽ gia tăng đáng kể trong các giai đoạn tới.

Vấn đề môi trường đối với tấm pin hết vòng đời không chỉ nằm ở lượng chất thải phát sinh mà còn ở việc xử lý và thu hồi các vật liệu cấu thành. Tấm pin chủ yếu gồm kính, nhôm, silicon, đồng, polymer và một số vật liệu khác. Nếu được thu gom và xử lý phù hợp, phần lớn các vật liệu này có thể được thu hồi để tái sử dụng hoặc làm nguyên liệu cho các quá trình sản xuất khác. Công nghệ tái chế hiện nay có khả năng đạt tỷ lệ thu hồi vật liệu cao, qua đó giảm đáng kể lượng vật liệu phải đưa đi xử lý cuối cùng. Việc thu hồi vật liệu thay vì thải bỏ toàn bộ tấm pin không chỉ giúp tiết kiệm tài nguyên mà còn hạn chế lượng chất thải phát sinh và giảm nguy cơ tác động tiêu cực đến môi trường.



Kinh nghiệm quốc tế cho thấy tái chế và thu hồi vật liệu đang dần trở thành một phần trong quản lý toàn bộ vòng đời của tấm pin, thay vì chỉ xử lý khi thiết bị đã trở thành chất thải. Tại Liên minh Châu Âu (EU), tấm pin quang điện đã được đưa vào phạm vi điều chỉnh của chỉ thị Waste Electrical and Electronic Equipment (WEEE) - là chỉ thị của EU về rác thải thiết bị điện và điện tử và được yêu cầu thu gom, xử lý theo hướng bảo đảm thu hồi và tái chế phù hợp. Đối với nhóm thiết bị lớn, WEEE đặt ra mục tiêu 85% đối với thu hồi và 80% đối với chuẩn bị để tái sử dụng và tái chế. Các quy định của EU cũng nhấn mạnh yêu cầu xử lý tấm pin hết vòng đời theo phương thức bảo đảm an toàn môi trường và tối đa hóa khả năng thu hồi vật liệu.

Tại Việt Nam, định hướng quản lý tấm pin sau khi hết vòng đời cũng đang từng bước được hình thành và hoàn thiện. Nghị định số 110/2026/NĐ-CP đã đưa tấm quang năng vào phạm vi sản phẩm thực hiện trách nhiệm tái chế, qua đó tạo cơ sở pháp lý để thúc đẩy việc thu hồi và tái chế sản phẩm sau khi hết vòng đời. Đây là bước tiến quan trọng trong việc chuyển từ cách tiếp cận xử lý chất thải sang quản lý vòng đời sản phẩm và tăng cường trách nhiệm tái chế.

Trên cơ sở đó, Công ty xác định việc chủ động quản lý tấm pin ngay từ giai đoạn vận hành là giải pháp quan trọng để hạn chế tác động môi trường trong tương lai. Đối với các tấm pin không còn đáp ứng yêu cầu vận hành hoặc hết vòng đời, Công ty tiến hành tổ chức thu hồi tập trung tại các dự án, kiểm kê và phân loại theo tình trạng, chủng loại và khả năng tái sử dụng. Các tấm pin còn khả năng sử dụng sẽ được xem xét tái sử dụng phù hợp; đối với các tấm pin không còn khả năng sử dụng, Công ty sẽ chuyển giao cho các đơn vị có đủ năng lực và chức năng để thu hồi, tái chế hoặc xử lý theo quy định pháp luật. Qua đó, Công ty hướng tới tăng tối đa khả năng thu hồi vật liệu, giảm lượng chất thải phải xử lý cuối cùng và hạn chế nguy cơ tác động đến môi trường.

Về dài hạn, Công ty sẽ tham khảo kinh nghiệm quốc tế về quản lý và tái chế tấm pin, đồng thời cập nhật các quy định pháp luật và công nghệ xử lý mới để từng bước hoàn thiện mô hình quản lý phù hợp với điều kiện tại Việt Nam. Công ty ưu tiên các giải pháp theo hướng kinh tế tuần hoàn, trong đó tấm pin sau khi hết vòng đời được thu hồi, phân loại và tái chế để đưa các vật liệu có giá trị trở lại chuỗi sản xuất thay vì xử lý như chất thải thông thường. Việc kết hợp giữa chính sách trong nước, kinh nghiệm quốc tế và công nghệ tái chế sẽ giúp Công ty chủ động kiểm soát tác động môi trường trong toàn bộ vòng đời của tấm pin, đồng thời góp phần bảo đảm rằng quá trình phát triển năng lượng tái tạo đi cùng với việc sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm thiểu chất thải.

4. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị công ty có thể phát sinh từ nhiều nguyên nhân, bao gồm (i) sự thiếu hụt hoặc thay đổi nhân sự quản lý chủ chốt không được thay thế kịp thời, (ii) sự hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp quản trị, và (iii) mức độ hoàn thiện và hiệu quả vận hành của hệ thống kiểm soát nội bộ và quy trình quản trị. Nếu không được nhận diện và kiểm soát kịp thời, các rủi ro này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến công tác quản trị tài chính, hiệu quả hoạt động và năng suất lao động của Công ty. Bên cạnh đó, trong bối cảnh Công ty mở rộng quy mô hoạt động thông qua các giao dịch M&A và quản lý danh mục các dự án phân tán, rủi ro về tính đồng bộ trong hệ thống quản trị, giám sát hoạt động của các công ty con và kiểm soát tuân thủ có thể gia tăng.

Nhằm hạn chế các rủi ro nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty đã và đang từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình quản trị theo hướng chuyên nghiệp, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của từng cấp quản lý; đồng thời tăng cường vai trò giám sát của Hội đồng quản trị và các bộ phận kiểm soát nội bộ. Công ty thường xuyên rà soát, cập nhật hệ thống quy trình nội bộ, nâng cao năng lực chuyên môn và ý thức tuân thủ của đội ngũ nhân sự, cũng như tăng cường



kiểm soát các giao dịch với bên liên quan nhằm đảm bảo tính minh bạch và phù hợp với thông lệ thị trường. Cách tiếp cận này nhằm bảo đảm mọi hoạt động của Công Ty tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật, chuẩn mực quản trị công ty đại chúng và các thông lệ tốt được quy định tại Luật Chứng khoán 2019, Luật Doanh nghiệp 2020, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Thông tư số 116/2020/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung các quy định này.

5. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã nêu trên, Công ty còn có thể đối mặt với các rủi ro khác mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lũ lụt, nắng nóng kéo dài), dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố kỹ thuật hoặc gián đoạn hệ thống điện. Những sự kiện này, nếu xảy ra, có thể gây thiệt hại đến tài sản, con người, làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng có thể chịu tác động từ các rủi ro vận hành như sự cố thiết bị, suy giảm hiệu suất hệ thống, gián đoạn chuỗi cung ứng vật tư, thiết bị thay thế, cũng như rủi ro an toàn lao động trong quá trình vận hành và bảo trì các dự án. Trong bối cảnh chuyển đổi số, rủi ro liên quan đến an ninh mạng và hệ thống công nghệ thông tin cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động giám sát, điều khiển và quản lý dữ liệu của Công ty.

Nhằm hạn chế các rủi ro nêu trên, Công ty đã và đang triển khai các biện pháp như: mua bảo hiểm đối với tài sản và gián đoạn kinh doanh; xây dựng và cập nhật các quy trình ứng phó khẩn cấp và kế hoạch liên tục kinh doanh; thực hiện bảo trì, kiểm tra định kỳ hệ thống thiết bị; tăng cường đào tạo an toàn lao động cho nhân sự; đồng thời đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin và các giải pháp bảo mật nhằm đảm bảo an toàn dữ liệu và vận hành ổn định.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT

1. **“Bản cáo bạch”**: Tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc niêm yết chứng khoán của tổ chức đăng ký niêm yết.
2. **“Cổ phiếu”**: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức đăng ký niêm yết.
3. **“Cổ đông”**: Cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.
4. **“Cổ tức”**: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.
5. **“Điều lệ Công ty”**: Điều lệ Công ty Cổ phần Helio Energy.
6. **“Đại hội đồng cổ đông”**: Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Helio Energy.
7. **“Hội đồng quản trị”**: Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Helio Energy.
8. **“Ủy ban kiểm toán”**: Ủy ban kiểm toán của Công ty Cổ phần Helio Energy.
9. **“Ban điều hành”**: Ban điều hành của Công ty Cổ phần Helio Energy bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.
10. **“Vốn điều lệ”**: Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ.
11. **“Tổ chức đăng ký niêm yết”**: Công ty Cổ phần Helio Energy.
12. **“Tổ chức tư vấn”**: Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.
13. **“Tổ chức kiểm toán”**: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C chi nhánh Hà Nội

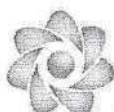
Các từ, nhóm từ được viết tắt hoặc được nhắc lại nhiều lần trong bản cáo bạch này có nội dung như sau:

▪ BCTC	Báo cáo tài chính
▪ UBKT	Ủy ban kiểm toán
▪ CBNV	Cán bộ nhân viên



▪ Công ty/Helio Energy/HIO	Công ty Cổ phần Helio Energy
▪ CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
▪ ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
	Hợp đồng xây dựng mà nhà thầu thực hiện toàn bộ công việc từ thiết kế kỹ thuật, cung ứng vật tư, thiết bị cho tới thi công xây dựng công trình, hạng mục và chạy thử nghiệm bàn giao cho chủ đầu tư
▪ EPC	
	Tổng sản phẩm quốc nội
▪ GDP	
▪ Giấy CNĐKDN	Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
▪ GTCL	Giá trị còn lại
▪ HĐQT	Hội đồng quản trị
▪ KTT	Kế toán trưởng
▪ LNST	Lợi nhuận sau thuế
	Hoạt động giành quyền kiểm soát doanh nghiệp thông qua hình thức sáp nhập hoặc mua lại giữa hai hay nhiều doanh nghiệp để sở hữu một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp đó
▪ M&A	
	Một thành viên
▪ MTV	
▪ NG	Nguyên giá
▪ NLTT	Năng lượng tái tạo
▪ TGD	Tổng Giám đốc
▪ Thuế TNCN	Thuế Thu nhập cá nhân
▪ Thuế TNDN	Thuế Thu nhập doanh nghiệp
▪ TMCP	Thương mại Cổ phần
▪ TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
▪ TP	Thành phố
▪ TV HĐQT	Thành viên Hội đồng quản trị
▪ UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
▪ VDL	Vốn điều lệ
▪ VNĐ	Đồng Việt Nam
▪ VSDC	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
▪ PPA	Hợp đồng mua bán điện
▪ FIT	Cơ chế giá điện ưu đãi

(Phần dưới của trang này được cố tình để trống)



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Thông tin chung về Công ty

- Tên đầy đủ : CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
- Tên viết bằng tiếng nước ngoài : HELIO ENERGY JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : HELIO ENERGY, JSC
- Logo của Công ty :  **HelioEnergy**
- Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, TP. Hà Nội.
- Điện thoại : 0243 226 3333
- Website : <https://helioenergy.vn>
- Người đại diện theo pháp luật : Ông **Phan Thành Đạt** – Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Giấy CNĐKDN : Số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2020, Sở Tài chính thành phố Hà Nội đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 30/03/2026
- Vốn điều lệ đăng ký : 420.000.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi tỷ đồng)
- Vốn thực góp : 420.000.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi tỷ đồng)
- Ngày trở thành công ty đại chúng : 16/08/2023 (ngày được UBCKNN xác nhận hoàn tất đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 5530/UBCK-GSDC)
- Mã cổ phiếu : HIO
- Sàn giao dịch : UPCOM
- Ngành nghề kinh doanh :

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Helio Energy

STT	Mã ngành	Tên ngành nghề kinh doanh
1	3512 (Chính)	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo (Trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân)
2	2710	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
3	2720	Sản xuất pin và ắc quy
4	2733	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại
5	2740	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng
6	2750	Sản xuất đồ điện dân dụng
7	2790	Sản xuất thiết bị điện khác
8	4321	Lắp đặt hệ thống điện
9	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác



STT	Mã ngành	Tên ngành nghề kinh doanh
		(Không bao gồm thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài; tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực thương mại)
10	6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm)
11	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
12	7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Trừ Dịch vụ kiểm định (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp Giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải (gồm hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện của phương tiện); dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị chuyên dùng, container, thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được lắp đặt trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ đăng kiểm tàu cá)
13	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (Trừ kinh doanh dịch vụ phòng cháy chữa cháy – Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy)
14	0119	Trồng cây hàng năm khác
15	0121	Trồng cây ăn quả
16	0122	Trồng cây lấy quả chứa dầu
17	0128	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm
18	4679	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực thương mại)
19	0129	Trồng cây lâu năm khác
20	7499	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu
21	0161	Hoạt động dịch vụ trồng trọt



STT	Mã ngành	Tên ngành nghề kinh doanh
22	0163	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch
23	8019	Dịch vụ bảo đảm an toàn bức xạ
24	3311	Sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn
25	3312	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị
26	3313	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện tử và quang học
27	3314	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện
28	3319	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác
29	3513	Truyền tải và phân phối điện (Trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân)
30	4673	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Không bao gồm thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực thương mại)
31	4752	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Không bao gồm thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực thương mại)
32	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê Chi tiết: + Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở; + Kinh doanh bất động sản khác. (Trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).
33	4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) (Không bao gồm thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực thương mại)
34	4102	Xây dựng nhà không để ở
35	7020	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác



STT	Mã ngành	Tên ngành nghề kinh doanh
		(Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)
36	4221	Xây dựng công trình điện (Trừ xây dựng thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân)
37	8129	Dịch vụ vệ sinh khác
38	4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước

(Nguồn: Giấy xác nhận số 144116/26 ngày 30/03/2026 của Sở Tài chính thành phố Hà Nội về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp)

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Helio Energy tiền thân là Công ty TNHH Alpha Solar 1, chính thức được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2020 với vốn điều lệ ban đầu là 10 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty kể từ khi thành lập đến nay là lĩnh vực sản xuất điện. Đến thời điểm hiện tại, vốn điều lệ Công ty là 420 tỷ đồng.

Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty đã có sự phát triển và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh cả về quy mô cũng như địa bàn hoạt động. Công ty đã và đang đầu tư, vận hành mô hình sản xuất điện chính là các dự án điện mặt trời.

Trong năm 2021 và 2022, Công ty đã thực hiện M&A 34 công ty là các doanh nghiệp sở hữu các dự án điện mặt trời mái nhà. Các dự án này đều được công nhận vận hành từ cuối năm 2020 và được hưởng giá bán điện ưu đãi theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam. Tháng 3/2026, Công ty tiếp tục thực hiện nhận chuyển nhượng 59,32% cổ phần tại Công ty Cổ phần SD Trường Thành, qua đó bổ sung thêm Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2 với quy mô công suất 50 MWp vào danh mục đầu tư.

Hiện tại, Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con đang vận hành các dự án điện mặt trời với tổng công suất hoạt động khoảng 86,53 MWp. Các dự án điện mặt trời tập trung tại khu vực Nam Bộ, Nam Trung Bộ (cụ thể: Thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Đồng Nai - trước đây là Bình Dương, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai) và khu vực Tây Nguyên (cụ thể: Đắk Lắk, Lâm Đồng - trước đây là Đắk Lắk, Đắk Nông).

2.2. Các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi Công ty thành lập đến nay

- Tháng 06 năm 2020, Công ty được thành lập và hoạt động với tên Công ty TNHH Alpha Solar 1 với số vốn điều lệ ban đầu là 10.000.000.000 VNĐ (Mười tỷ đồng) do Công ty Cổ phần Helio Power (Mã số thuế: 0107948189) là chủ sở hữu.
- Tháng 03 năm 2021, Công ty Cổ phần Helio Power (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Heli) đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Alpha Solar 1 cho Công ty Cổ phần Đầu tư Helios (Mã số thuế: 0107581205, nay là Công ty Cổ phần Helio Power).
- Tháng 10 năm 2021, Công ty thực hiện chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần, đồng thời tăng vốn lên 210.000.000.000 VNĐ (Hai trăm mười tỷ đồng) và đổi tên thành Công ty Cổ phần Heaven Power.
- Tháng 08 năm 2022, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Helio Energy.

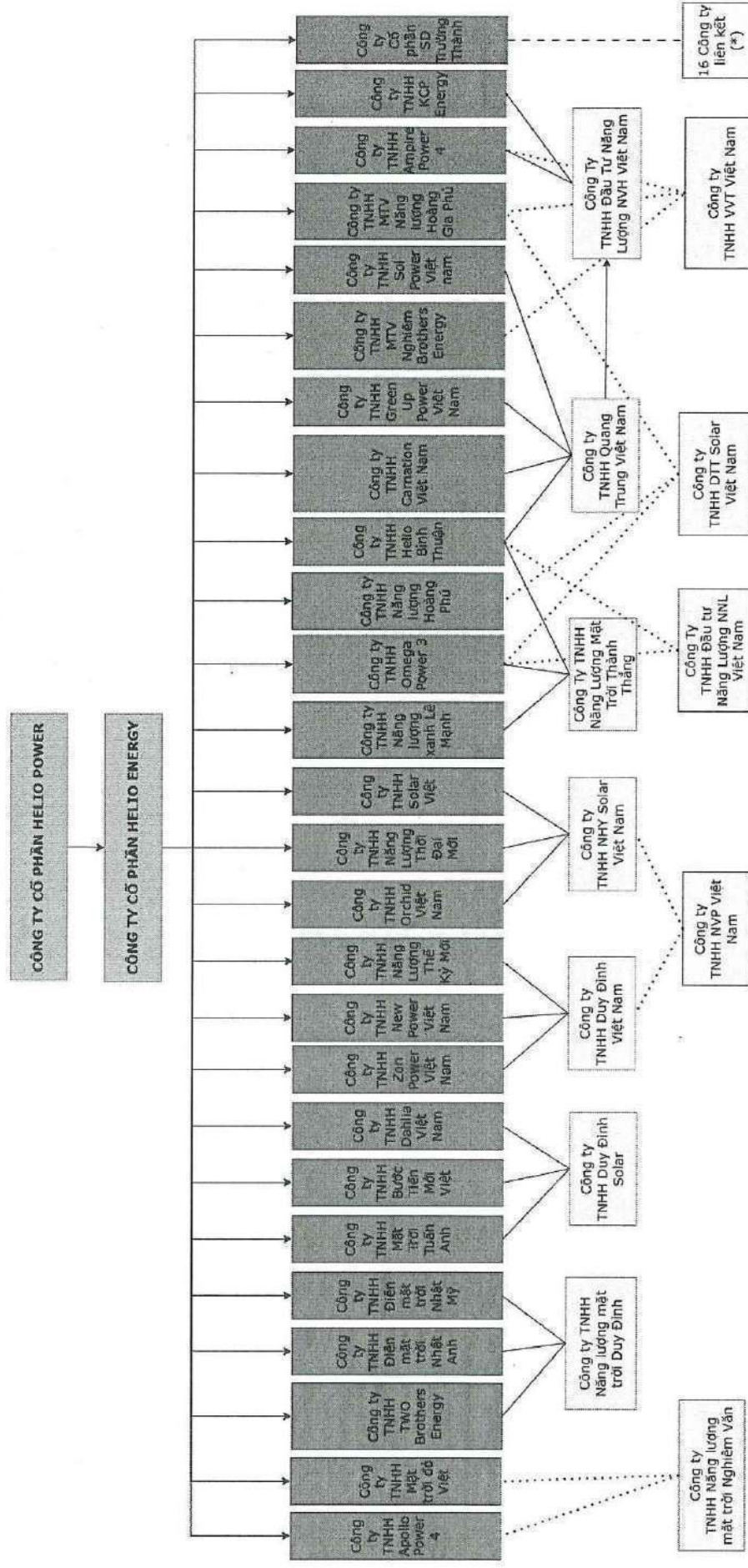


- Tháng 11 năm 2022, Công ty trở thành Hội viên chính thức của Hội Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 156/QĐ-VEEA.
- Tháng 08 năm 2023, Công ty trở thành Công ty đại chúng theo Văn bản số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16/08/2023 của UBCKNN.
- Tháng 10 năm 2023, Helio Energy đã được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Văn bản số 1077/QĐ-SGDHN. Ngày giao dịch đầu tiên của 21.000.000 cổ phiếu HIO là ngày 23/10/2023.
- Tháng 12 năm 2025, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 557/GCN-UBCK ngày 30/12/2025, theo đó Công ty được chào bán thêm ra công chúng 21.000.000 cổ phiếu.
- Tháng 04 năm 2026, Công ty đã được chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Văn bản số 522/QĐ-SGDHN, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch là 42.000.000 cổ phiếu.

(Phần dưới của trang này được cố tình để trống)

3. Cơ cấu tổ chức của tổ chức đăng ký niêm yết

Biểu đồ 3: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty



(Nguồn: Công ty Cổ phần Helio Energy)

(*) Danh sách các Công ty liên kết do Công ty Cổ phần SD Trường Thành đầu tư:

STT	Tên Công ty
1	Công ty TNHH Khởi Duy Solar
2	Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Khởi Duy
3	Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam
4	Công Ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam
5	Công ty TNHH NHY Việt Nam
6	Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam
7	Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Vĩnh Hữu
8	Công Ty TNHH Vĩnh Hữu Solar
9	Công ty TNHH Đầu Tư NTS Việt Nam
10	Công Ty TNHH DVL Solar Việt Nam
11	Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển DTH Việt Nam
12	Công ty TNHH NDT Việt Nam
13	Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam
14	Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam
15	Công ty TNHH Năng lượng mặt trời NHY Việt Nam
16	Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam

Công ty Cổ phần Helio Energy hoạt động theo mô hình công ty mẹ con. Trong đó, Helio Energy trực thuộc Công ty Cổ phần Helio Power và quản lý hệ thống gồm 33 công ty con trong đó có 26 công ty con trực tiếp và 7 công ty con gián tiếp. Ngoài ra, Công ty còn có 21 công ty liên kết gián tiếp.

Thông tin về công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết của Helio Energy

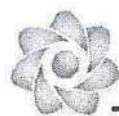
Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Ngành nghề kinh doanh
Công ty mẹ				
Công ty Cổ phần Helio Power	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	69,314%	69,314%	Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm: tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán)
Công ty con trực tiếp				
Công ty TNHH Apollo Power 4	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện



Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH Omega Power 3	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Thôn Minh Tiến, xã Hàm Thuận Nam, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Ampire Power 4	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Thôn Trung Hòa, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH KCP Energy	Thôn Trung Hòa, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Two Brothers Energy	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	Số nhà 46, Thôn 10, xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện



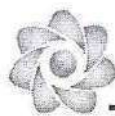
Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH Bước tiến mới Việt	Số nhà 46, Thôn 10, xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Số nhà 46, Thôn 10, xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH New Power Việt Nam	Thôn 23, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	Thôn 23, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	Thôn 2, xã Ea Ning, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	Thôn 2, xã Ea Ning, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Thôn 5, xã Ea Khăl, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Solar Việt	Thôn 5, xã Ea Khăl, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng Hoàng Gia Phú	Thôn Nhà Đèn, Xã Đắk Wil, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH	Thôn Nhà Đèn, xã Đắk Wil, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện



Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Ngành nghề kinh doanh
Carnation Việt Nam				
Công ty TNHH Một thành viên Nghiêm Brothers Energy	Thôn Nhà Đèn, xã Đắc Wil, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	Thôn Nhà Đèn, xã Đắc Wil, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần SD Trường Thành	Thôn Ku Kê, xã Hàm Thuận, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	59,32%	59,32%	Sản xuất điện
Công ty con gián tiếp				
Công ty TNHH Đầu tư năng lượng NVH Việt Nam	Thôn Rừng Lạnh, xã Đắc Song, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	100% ^(*)	100% ^(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	Số 34, Ngõ 214, đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội, Việt Nam	100% ^(*)	100% ^(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	Xóm 8, thôn Đồng Tâm, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam	100% ^(*)	100% ^(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH Duy Đình Solar	Thôn 7, xã Trường Xuân, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	100% ^(*)	100% ^(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	Số 5C, ngách 445/10 đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam	100% ^(*)	100% ^(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	Thôn 1, xã Tuy Đức, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	100% ^(*)	100% ^(*)	Sản xuất điện



Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	Số 8, ngõ 1126, đường Nguyễn Khoái, phường Vĩnh Hưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam	100% ^(*)	100% ^(*)	Sản xuất điện
Công ty liên kết gián tiếp				
Công ty TNHH VVT Việt Nam	Số 6, ngách 44/1/54 Phố Bàng B, phường Hoàng Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam	38,00% ^(*)	38,00% ^(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Thôn Rừng Lạnh, xã Đắc Song, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	40,00% ^(*)	40,00% ^(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH Năng lượng mặt trời Nghiêm Văn	Tầng 1 Tòa nhà Licogi 13 Đơn Nguyên A, số 164 Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam	46,00% ^(*)	46,00% ^(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	Số 5C, ngách 445/10 Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam	47,00% ^(*)	47,00% ^(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH NVP Việt Nam	Thôn Bon Bu M'Lanh B, xã Tuy Đức, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	48,00% ^(*)	48,00% ^(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	Số 5/Dãy D, Ngõ 319 Đường Tam Trinh, Tổ 50, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam	46,00% ^(*)	46,00% ^(*)	Sản xuất điện
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Khởi Duy	Thôn Thuận Nam, xã Thuận Hạnh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	49,00% ^(*)	49,00% ^(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	Thôn 7, xã Thuận Hạnh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	45,00% ^(*)	45,00% ^(*)	Sản xuất điện
Công Ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	Số 5 TT149, Khu đô thị Nam An Khánh, xã An Khánh, thành phố Hà Nội, Việt Nam	45,00% ^(*)	45,00% ^(*)	Sản xuất điện



Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH NHY Việt Nam	Tầng 4 Tòa nhà Vimeco Lô E9, Đường Phạm Hùng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam	49,00% ^(*)	49,00% ^(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam	Thôn Đăk Tiên, xã Đức An, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	45,00% ^(*)	45,00% ^(*)	Sản xuất điện
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Vinh Hữu	Số 5/Dãy D, Ngõ 319 Đường Tam Trinh, Tổ 50, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam	48,00% ^(*)	48,00% ^(*)	Sản xuất điện
Công Ty TNHH Vĩnh Hữu Solar	Thôn Thuận Nam, xã Thuận An, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	47,00% ^(*)	47,00% ^(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH Đầu Tư NTS Việt Nam	Tầng 4 Tòa Nhà Vimeco Lô E9, Đường Phạm Hùng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam	48,00% ^(*)	48,00% ^(*)	Sản xuất điện
Công Ty TNHH DVL Solar Việt Nam	Tầng 1 Tòa nhà Licogi 13 Đơn nguyên A, Số 164 Đường Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam	43,00% ^(*)	43,00% ^(*)	Sản xuất điện
Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển DTH Việt Nam	Tầng 4 Tòa Nhà Vimeco Lô E9, Đường Phạm Hùng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam	44,00% ^(*)	44,00% ^(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH NDT Việt Nam	Xóm 8, thôn Đồng Tâm, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam	47,00% ^(*)	47,00% ^(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	Xóm 8, thôn Đồng Tâm, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam	43,00% ^(*)	43,00% ^(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	Số 5C, Ngách 445/10 Đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam	47,00% ^(*)	47,00% ^(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH Năng lượng	Tầng 1 Tòa Nhà Licogi 13 Đơn Nguyên A, Số 164 Khuất Duy	44,00% ^(*)	44,00% ^(*)	Sản xuất điện



Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Ngành nghề kinh doanh
mặt trời NHY Việt Nam	Tiến, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam			
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	Thôn 15, Xã Nhân Cơ, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	44,00% ^(*)	44,00% ^(*)	Sản xuất điện

^(*) Tỷ lệ sở hữu/biểu quyết gián tiếp của Helio Energy thông qua công ty con
(Nguồn: Công ty Cổ phần Helio Energy)

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của tổ chức đăng ký niêm yết

Công ty Cổ phần Helio Energy được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020.

Biểu đồ 4: Sơ đồ cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý của Công ty



(Nguồn: Công ty Cổ phần Helio Energy)

Diễn giải:

❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trong đó có quyền bầu, bãi nhiệm và miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT giữ vai trò quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hằng năm theo đúng định hướng phát triển đã được ĐHĐCĐ thông qua; đưa ra các quyết định, kiến nghị khác về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và chỉ đạo, giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban điều hành.

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu bởi các thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ bầu. Hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, các thành viên trong Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty. Quyền và nghĩa vụ khác của HĐQT do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.



Bảng 2: Cơ cấu HĐQT đương nhiệm của Công ty

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Phan Thành Đạt	Chủ tịch HĐQT	Người phụ trách quản trị Công ty
2	Bùi Tuấn Dương	Thành viên HĐQT	Phó Tổng Giám đốc Công ty; Người được ủy quyền công bố thông tin.
3	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Tổng Giám đốc Công ty
4	Phạm Thị Thu Trang	Thành viên độc lập HĐQT	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán
5	Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên Ủy ban kiểm toán

❖ **Ủy ban kiểm toán**

Ủy ban kiểm toán là một ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hiện gồm có 02 (hai) thành viên.

Ủy ban kiểm toán có nhiệm vụ kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ, đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Giám sát, đảm bảo tính hợp pháp, trung thực của báo cáo tài chính, số liệu tài chính trước khi trình duyệt và công bố. Ủy ban kiểm toán thực hiện các quyền và nghĩa vụ phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

Bảng 3: Cơ cấu Ủy ban kiểm toán đương nhiệm của Công ty

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Phạm Thị Thu Trang	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán
2	Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên Ủy ban kiểm toán

❖ **Ban điều hành**

Ban Điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, và Kế toán trưởng. Ban Điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Bảng 4: Cơ cấu Ban điều hành đương nhiệm của Công ty

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc
2	Bùi Tuấn Dương	Phó Tổng Giám đốc
3	Lê Thị Trang	Kế toán trưởng

Diễn giải chức năng của các bộ phận nghiệp vụ:

Các phòng/ban, bộ phận trong Công ty thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh của Ban điều hành được hiệu quả và đúng pháp luật.



❖ Ban Tài chính

Ban Tài chính là Ban chuyên môn trực thuộc Ban Điều hành thực hiện chức năng tham mưu, tư vấn, giúp việc cho Ban Điều hành về những vấn đề liên quan đến quản lý tài chính. Các chức năng cụ thể như sau:

- Quản lý chi phí, phân tích hiệu quả hoạt động và xây dựng hệ thống báo cáo quản trị;
- Hoạch định và triển khai kế hoạch nguồn vốn;
- Tham mưu các vấn đề về hoạch định chiến lược.

❖ Ban Kế toán

Ban Kế toán là Ban chuyên môn trực thuộc Ban Điều hành thực hiện chức năng tham mưu, tư vấn, giúp việc cho Ban Điều hành để điều hành, quản lý, kiểm soát công tác tài chính kế toán của Công ty, hạn chế các rủi ro về sai sót, gian lận nội bộ. Các chức năng cụ thể như sau:

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động kế toán, tài chính;
- Cung cấp thông tin kế toán cho các bên liên quan;
- Tham mưu cho Ban Điều hành về những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn;
- Phối hợp, tham mưu cho các Phòng, Ban chức năng khác về các quy định kế toán và thuế, giúp Công ty tuân thủ đúng các quy định, hạn chế các rủi ro liên quan đến kế toán, thuế.

❖ Ban Đầu tư

Ban Đầu tư là Ban chuyên môn trực thuộc Ban Điều hành thực hiện chức năng tham mưu, tư vấn, giúp việc cho Ban Điều hành về những vấn đề liên quan đến đầu tư. Các chức năng cụ thể như sau:

- Tham mưu về định hướng chiến lược, kế hoạch đầu tư;
- Tư vấn, đánh giá và thực hiện mua bán, sáp nhập;
- Huy động nguồn vốn;
- Quản lý và kinh doanh tài sản.

❖ Ban Quản lý dự án

Ban Quản lý dự án là Ban chuyên môn trực thuộc Ban Điều hành, có chức năng tham mưu, tư vấn, giúp việc cho Ban Điều hành về những vấn đề liên quan đến lĩnh vực:

- Tổ chức và triển khai các công việc có liên quan đến hoạt động quản lý các dự án đầu tư của Công ty hoặc các đơn vị thành viên từ giai đoạn chuẩn bị dự án, phát triển dự án, thực hiện dự án đến khi nghiệm thu bàn giao, đưa công trình vào khai thác sử dụng;
- Tham mưu để đảm bảo vận hành dự án hiệu quả và tuân thủ các quy định của pháp luật.

❖ Ban Hành chính nhân sự

Ban Hành chính Nhân sự là Ban chuyên môn trực thuộc Ban Điều hành, thực hiện chức năng tham mưu, tư vấn, giúp việc cho Ban Điều hành về những vấn đề liên quan đến công tác tổ chức, quản lý nhân sự, quản lý nghiệp vụ hành chính, cũng như các vấn đề liên quan đến hoạt động truyền thông, quan hệ lao động trong Công ty. Các chức năng cụ thể như sau:

- Quản lý văn thư; quản lý tài sản tại trụ sở Công ty; triển khai công tác hành chính khác;
- Hoạch định, triển khai và quản lý chiến lược nhân sự; quản lý hệ thống thông tin nhân sự; xây dựng và áp dụng hệ thống tiền lương và chế độ phúc lợi (C&B); truyền thông nội bộ; quan hệ lao động.

❖ Ban pháp chế

Ban Pháp chế là Ban chuyên môn trực thuộc Ban Điều hành, thực hiện chức năng tham mưu, tư vấn, giúp việc cho ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban Điều hành về những vấn đề liên quan đến pháp lý trong Công ty. Các chức năng cụ thể như sau:



- Tư vấn pháp luật; cập nhật và đào tạo pháp luật, đào tạo tuân thủ;
 - Thực hiện thủ tục pháp lý; thực hiện thủ tục tổ tụng; hỗ trợ pháp lý về mua bán và sáp nhập;
 - Pháp lý Hợp đồng; pháp lý doanh nghiệp; pháp lý tuân thủ.
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 2 năm gần nhất và đến thời điểm hiện tại.

5.1. Công ty mẹ

- Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Helio Power**
- Địa chỉ: Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Ngày thành lập: 29/09/2016
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107581205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/09/2016, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 15/09/2025.
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm: tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán); Sản xuất điện; ...
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại Helio Energy hiện tại: 69,314%.
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của Helio Energy tại Công ty Cổ phần Helio Power hiện tại: 0%.
- Thời gian nắm giữ: Từ ngày 04/03/2021 đến nay.

5.2. Công ty con

Hiện tại Công ty có 26 công ty con trực tiếp và 7 công ty con gián tiếp. Thông tin chi tiết các công ty con của Helio Energy trong 2 năm gần nhất và đến thời điểm hiện tại được trình bày tại Phụ lục I kèm theo.

5.3. Công ty liên kết gián tiếp

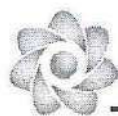
Hiện tại Công ty có 21 công ty liên kết gián tiếp. Thông tin chi tiết các công ty liên kết gián tiếp của Helio Energy trong 2 năm gần nhất và đến thời điểm hiện tại được trình bày tại Phụ lục II kèm theo.

6. Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức đăng ký niêm yết

Công ty Cổ phần Helio Energy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2020 với vốn điều lệ ban đầu là 10.000.000.000 đồng. Sau hơn 05 năm hoạt động Công ty đã có 02 lần tăng vốn, vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 420.000.000.000 đồng, tương ứng 42.000.000 cổ phần, chi tiết quá trình góp vốn, tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:

Bảng 5: Tóm tắt quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty

TT	Thời gian thực hiện	VĐL trước khi thay đổi (Triệu đồng)	Giá trị vốn tăng/giảm (Triệu đồng)	VĐL sau khi thay đổi (Triệu đồng)	Hình thức tăng/giảm VĐL	Đơn vị cấp
1	Tháng 06/2020 - 08/2020	0	10.000	10.000	Góp vốn thành lập Công ty	Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội



TT	Thời gian thực hiện	VĐL trước khi thay đổi (Triệu đồng)	Giá trị vốn tăng/giảm (Triệu đồng)	VĐL sau khi thay đổi (Triệu đồng)	Hình thức tăng/giảm VĐL	Đơn vị cấp
2	Tháng 10/2021	10.000	200.000	210.000	Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp kèm tăng vốn	Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội
3	Tháng 3/2026	210.000	210.000	420.000	Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Tài chính Thành phố Hà Nội

(Nguồn: Công ty Cổ phần Helio Energy)

Thông tin về các đợt góp vốn của Công ty như sau:

6.1. Đợt góp vốn thành lập: 10.000.000.000 đồng

- Căn cứ pháp lý:
 - + Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2020/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Helio Power ngày 25/05/2020 về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Alpha Solar 1;
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2020;
 - + Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt góp vốn thành lập năm 2020 tại ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng;
- Hình thức: Góp vốn thành lập;
- Cơ quan cấp Giấy CNĐKDN: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.
- Ý kiến của kiểm toán tại báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt góp vốn thành lập năm 2020 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ với cơ sở lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh số 03 phần thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn”.

6.2. Đợt tăng vốn lần 1: Vốn điều lệ tăng từ 10.000.000.000 đồng lên 210.000.000.000 đồng

- Căn cứ pháp lý:
 - + Biên bản thỏa thuận góp vốn ngày 18/10/2021 giữa các cổ đông sáng lập là Công ty Cổ phần Đầu tư Helios (nay là Công ty Cổ phần Helio Power), Ông Hoàng Thế Anh, Ông Phan Thành Đạt;
 - + Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/10/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Heaven Power;
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 21/10/2021;
 - + Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt tăng vốn năm 2021 tại ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.
 - Vốn điều lệ trước khi phát hành: 10.000.000.000 đồng;
 - Vốn điều lệ sau khi phát hành: 210.000.000.000 đồng;
 - Tổng giá trị vốn tăng thêm: 200.000.000.000 đồng;
- Chi tiết đối tượng, số tiền thực tế góp vốn và số dư vốn đã góp tại ngày 19 tháng 10 năm 2021 như sau:

STT	Đối tượng góp vốn	Số tiền thu được từ đợt góp vốn (VND)	Vốn đã góp	
			Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Helios (nay tên là Công ty Cổ phần Helio Power)	189.500.000.000	199.500.000.000	95%
2	Ông Phan Thành Đạt	5.250.000.000	5.250.000.000	2,5%
3	Ông Hoàng Thế Anh	5.250.000.000	5.250.000.000	2,5%
Tổng cộng		200.000.000.000	210.000.000.000	100%

(Nguồn: Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt tăng vốn năm 2021 tại ngày 31/12/2022)

- Hình thức tăng vốn: Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (từ công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần) kèm tăng vốn;
- Số lượng cổ phần phát hành tăng thêm: 20.000.000 cổ phần (Hai mươi triệu cổ phần);
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần;
- Cơ quan cấp Giấy CNĐKDN: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.
- Ý kiến của kiểm toán tại báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt tăng vốn năm 2021 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ với cơ sở lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh số 03 phần thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn”.

6.3. Đợt tăng vốn lần 2: Vốn điều lệ tăng từ 210.000.000.000 đồng lên 420.000.000.000 đồng

- Căn cứ pháp lý:
 - + Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Helio Energy số 01/2024/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2024 kèm tờ trình số 09/2024/HIO/TTr-HĐQT về Phương án phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng;
 - + Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Helio Energy số 01/2025/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2025 kèm tờ trình số 06/2025/HIO/TTr-HĐQT về việc Tiếp tục thực hiện Phương án phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng.
 - + Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 557/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30/12/2025;
 - + Công văn số 2044/UBCK-QLCB ngày 16/03/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tài liệu báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 30/03/2026;
 - + Báo cáo về vốn điều lệ đã góp tăng thêm và thay đổi thặng dư vốn cổ phần cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 đến ngày 30 tháng 3 năm 2026 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam số 13664222/69855781 ngày 08/04/2026;
 - + Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng (tăng vốn điều lệ từ 210 tỷ đồng lên 420 tỷ đồng) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C số 2.0460/26/TC-AC ngày 13/04/2026.
- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 210.000.000.000 đồng;
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 420.000.000.000 đồng;
- Tổng giá trị vốn tăng thêm: 210.000.000.000 đồng;
- Hình thức tăng vốn: Chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Số lượng cổ phần phát hành tăng thêm: 21.000.000 cổ phần (Bằng chữ: Hai mươi một triệu cổ phần);

- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần;
- Mục đích chào bán: nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần SD Trường Thành;
- Cơ quan cấp Giấy CNĐKDN: Sở Tài chính Thành phố Hà Nội
- Cơ quan chấp thuận chào bán: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Ý kiến của kiểm toán tại báo cáo về vốn điều lệ đã góp tăng thêm và thay đổi thặng dư vốn cổ phần cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 đến ngày 30 tháng 3 năm 2026 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam ngày 08/04/2026: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo về vốn điều lệ đã góp tăng thêm và thay đổi thặng dư vốn cổ phần đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình thay đổi vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần tại ngày 30 tháng 3 năm 2026 và cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 đến ngày 30 tháng 3 năm 2026, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo về vốn điều lệ đã góp tăng thêm và thay đổi thặng dư vốn cổ phần.”
- Ý kiến của kiểm toán tại báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng (tăng vốn điều lệ từ 210 tỷ đồng lên 420 tỷ đồng) tại ngày 13/04/2026: “Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty đã được lập trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ các nguyên tắc được trình bày tại thuyết minh số III.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn.”

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết tại các doanh nghiệp khác

Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn tại các doanh nghiệp khác trong 02 năm 2024, 2025 và đến thời điểm hiện tại có giá trị từ 10% tổng tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm thực hiện của Công ty:

STT	Nội dung góp vốn	Giá trị góp vốn	Tỷ lệ sở hữu (%)	Phương thức góp vốn
1	Góp vốn vào Công ty Cổ phần SD Trường Thành dẫn đến Công ty nắm giữ 59,32% vốn điều lệ Công ty Cổ phần SD Trường Thành	210.000.000.000	59,32%	Nhận chuyển nhượng cổ phần

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

- **Cổ phiếu phổ thông:**
 - + Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 42.000.000 cổ phiếu;
 - + Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 42.000.000 cổ phiếu;
 - + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu;
 - + Tổng giá trị cổ phiếu đã phát hành (theo mệnh giá): 420.000.000.000 đồng.

Bảng 6: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 06/07/2026

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông (người)	Số cổ phiếu sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
1	Trong nước	374	41.992.600	99,982%
1.1	Tổ chức	3	31.612.000	75,267%
1.2	Cá nhân	371	10.380.600	24,716%



STT	Cổ đông	Số lượng cổ đồng (người)	Số cổ phiếu sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
2	Nước ngoài	03	7.400	0,018%
2.1	Tổ chức	1	6.000	0.014%
2.2	Cá nhân	2	1.400	0,003%
2.3	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0%
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
Tổng cộng		377	42.000.000	100%

(Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 06/07/2026 do VSDC cung cấp)

- Cổ phiếu ưu đãi: Không có.
- Các loại chứng khoán khác: Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức đăng ký niêm yết theo quy định pháp luật:
 - + Theo quy định pháp luật, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức đăng ký niêm yết hiện tại:
 - + Theo Văn bản số 6405/UBCK-PTTT ngày 25/09/2023 tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50%.
 - + Theo thông tin về số liệu sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam công bố tại ngày 06/07/2026, số cổ phần cổ đông nước ngoài sở hữu tại Công ty là 7.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,018% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.

10. Hoạt động kinh doanh

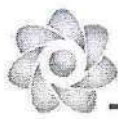
10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Các hoạt động kinh doanh của Công ty

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Helio Energy và các công ty con là sản xuất điện từ năng lượng mặt trời. Bên cạnh đó, Helio Energy còn triển khai các hoạt động dịch vụ khác như tư vấn thực hiện dự án điện; quản lý vận hành các dự án điện. Chi tiết hoạt động sản xuất kinh doanh tại Helio Energy và các công ty con như sau:

❖ Hoạt động sản xuất điện năng

Ngày 11/4/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg thiết lập cơ chế giá FIT cho điện mặt trời, qua đó khởi tạo thị trường và thu hút dòng vốn đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo tại Việt Nam. Tiếp đó, ngày 06/4/2020, Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg được ban hành nhằm duy trì và điều chỉnh cơ chế khuyến khích, đồng thời tạo cú hích mạnh mẽ cho phân khúc điện mặt trời mái nhà. Đây là những cột mốc quan trọng, góp phần thúc đẩy thị trường năng lượng tái tạo và mở ra cơ hội phát triển cho điện sạch tại Việt Nam. Trong giai đoạn 2020 – 2021, sản lượng huy động từ NLTT có sự tăng trưởng vượt bậc, chiếm khoảng 11,4% cơ cấu điện trong năm 2021. Việt Nam nổi lên là một trong 3 nước có sản lượng NLTT tăng nhanh nhất thế giới từ năm 2019 đến nay bên cạnh Hà Lan và Úc. Ngày 15/04/2025, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, trong đó định hướng cơ cấu điện từ các nguồn năng lượng tái tạo sẽ đạt tỷ lệ khoảng 28 - 36% vào năm 2030 và định hướng 74 - 75% vào năm 2050, trong đó Điện mặt trời sẽ chiếm khoảng 25,3 - 31,1% vào năm 2030 và 35,3 - 37,8% vào năm 2050.



Nhận thức rõ tầm quan trọng và tiềm năng phát triển của năng lượng tái tạo đối với nền kinh tế, trong bối cảnh nhu cầu điện tại Việt Nam tiếp tục gia tăng cùng với các chính sách khuyến khích đầu tư của Chính phủ, Helio Energy đã chủ động triển khai chiến lược đầu tư và M&A trong lĩnh vực điện mặt trời.

Trong giai đoạn năm 2021-2022, Công ty đã đẩy mạnh đầu tư xây dựng và thực hiện nhận chuyển nhượng các dự án điện mặt trời mái nhà. Các dự án được triển khai theo hình thức tổng thầu EPC với các nhà thầu uy tín, có kinh nghiệm, đảm bảo chất lượng xây dựng và vận hành. Đối với hoạt động M&A, Công ty ưu tiên lựa chọn các dự án đã đi vào vận hành thương mại và được hưởng cơ chế giá điện ưu đãi, qua đó đảm bảo hiệu quả đầu tư và dòng tiền ổn định trong dài hạn. Các dự án điện mặt trời mái nhà của Helio Energy và các công ty con hiện đang hoạt động tại các tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai và Thành phố Hồ Chí Minh, là những khu vực có điều kiện tự nhiên thuận lợi với số giờ nắng cao, ổn định và cường độ bức xạ lớn, giúp tận dụng hiệu quả nguồn năng lượng mặt trời. Việc phân bổ dự án theo nhiều địa bàn cũng góp phần đảm bảo tính ổn định tương đối trong sản lượng điện phát ra, đồng thời giảm thiểu rủi ro biến động sản lượng do điều kiện thời tiết tại từng khu vực riêng lẻ. Các dự án này đã được đưa vào vận hành thương mại trong từ cuối năm 2020. Các dự án đều đã hoàn tất thỏa thuận đấu nối và ký kết hợp đồng mua bán điện với giá 8,38 UScent/kWh, cố định trong 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại, theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/04/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam.

Trong Quý I/2026, Công ty đã hoàn tất nhận chuyển nhượng 59,32% cổ phần của Công ty Cổ phần SD Trường Thành – đơn vị sở hữu Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2. Dự án đặt tại xã Hàm Thuận, tỉnh Lâm Đồng, là khu vực có điều kiện bức xạ mặt trời cao và ổn định, thuận lợi cho hoạt động phát điện, qua đó giúp duy trì hệ số phát điện ở mức cao so với thiết kế và đảm bảo sản lượng điện ổn định. Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2 đã hoàn tất thỏa thuận đấu nối và ký kết hợp đồng mua bán điện với EVN theo cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam quy định tại Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, với mức giá áp dụng là 9,35 UScents/kWh.

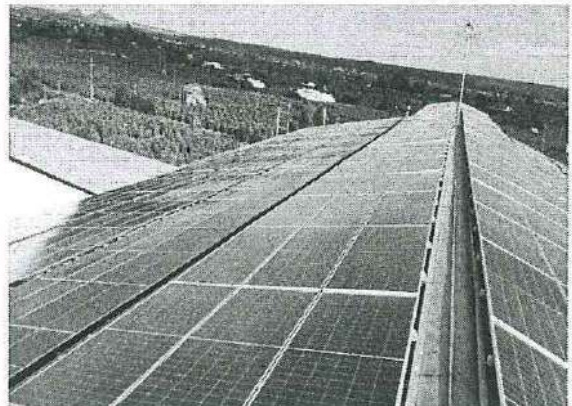
Việc hoàn tất M&A các dự án điện mặt trời mái nhà trong giai đoạn trước và tiếp tục hợp nhất Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2 trong năm 2026 đã giúp Công ty mở rộng đáng kể quy mô công suất vận hành, đồng thời tạo động lực tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong giai đoạn tới.

(Phần dưới của trang này được cố tình để trống)

Hình ảnh các Dự án điện mặt trời mái nhà đang được vận hành tại các tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai và Thành phố Hồ Chí Minh:



Dự án tại thành phố Hồ Chí Minh



Dự án tại tỉnh Lâm Đồng

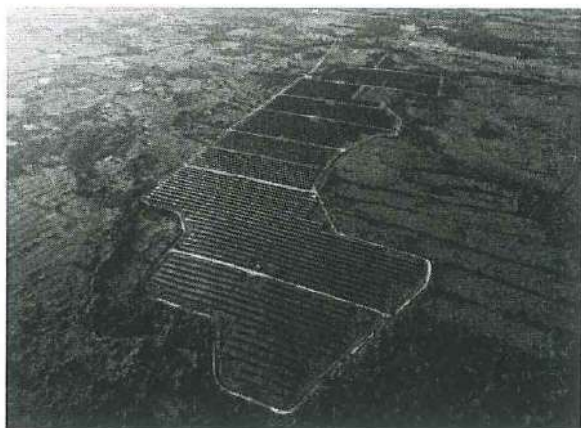


Dự án tại tỉnh Đồng Nai



Dự án tại tỉnh Đắk Lắk

Hình ảnh Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2 tại tỉnh Lâm Đồng:



Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2

(Nguồn: Công ty Cổ phần Helio Energy)



Bảng 7: Các Dự án điện mặt trời đang được vận hành tại Công ty và các công ty con

STT	Công ty thực hiện	Dự án	Công suất (kWp)	Sản lượng năm 2025 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) năm 2025 (triệu đồng)	Sản lượng 6 tháng đầu năm 2026 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) 6 tháng đầu năm 2026 (triệu đồng)	Thời điểm dự án bắt đầu vận hành phát điện	Hợp đồng mua bán điện
1	Công ty Cổ phần Helio Energy	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại tỉnh Lâm Đồng (trước là tỉnh Bình Thuận) (*)	998,00	1.351.239	2.755	721.568	1.519	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 60598220003766 ngày 28/12/2020
		Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Thành phố Hồ Chí Minh (trước là tỉnh Bình Dương) (*)	990,00	1.229.342	2.507	657.047	1.383	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 20/000198 ngày 22/12/2020
		Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Thành phố Hồ Chí Minh (trước là tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) (*)	993,50	1.048.967	2.139	517.898	1.090	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 164/2020/PCBRV T-ĐMTMN ngày 28/12/2020
		Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại tỉnh Đồng Nai (*)	1.001,00	984.618	2.008	631.944	1.330	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 20/0211 ngày 16/12/2020



STT	Công ty thực hiện	Dự án	Công suất (kWp)	Sản lượng năm 2025 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) năm 2025 (triệu đồng)	Sản lượng 6 tháng đầu năm 2026 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) 6 tháng đầu năm 2026 (triệu đồng)	Thời điểm dự án bắt đầu vận hành phát điện	Hợp đồng mua bán điện
2	Công ty TNHH Apollo Power 4	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại tỉnh Đồng Nai (*)	900,18	1.124.835	2.294	600.408	1.264	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 20/0254 ngày 25/12/2020
		Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Thành phố Hồ Chí Minh (trước là tỉnh Bình Dương) (*)	999,68	1.314.183	2.680	706.678	1.488	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 25/HĐ-ĐLB.TU ngày 10/12/2020
3	Công ty TNHH Omega Power 3	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Thành phố Hồ Chí Minh (trước là tỉnh Bình Dương) (*)	880,00	1.073.234	2.188	589.625	1.241	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 20/000268 ngày 31/12/2020
		Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại tỉnh Đồng Nai (*)	460,35	575.929	1.174	319.950	673	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 75740220002402 ngày 31/12/2020



HelioEnergy

BÁN CÁO BẠCH

STT	Công ty thực hiện	Dự án	Công suất (kWp)	Sản lượng năm 2025 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) năm 2025 (triệu đồng)	Sản lượng 6 tháng đầu năm 2026 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) 6 tháng đầu năm 2026 (triệu đồng)	Thời điểm dự án bắt đầu vận hành phát điện	Hợp đồng mua bán điện
4	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại tỉnh Lâm Đồng (trước là tỉnh Bình Thuận) (*)	400,00	617.395	1.259	330.686	696	Tháng 08 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 408/2020/HĐMB Đ-ĐMTMN ngày 17/08/2020
5	Công ty TNHH Ampire Power 4	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Thành phố Hồ Chí Minh (trước là tỉnh Bình Dương) (*)	999,68	1.312.825	2.677	713.452	1.502	Tháng 11 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 23/HĐ-ĐLB TU ngày 25/11/2020
6	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	996,30	1.274.472	2.599	721.122	1.518	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304026/2020-HĐĐMT ngày 28/12/2020
7	Công ty TNHH KCP Energy	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	998,76	1.279.332	2.609	722.646	1.521	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304031/2020-HĐĐMT ngày 28/12/2020





STT	Công ty thực hiện	Dự án	Công suất (kWp)	Sản lượng năm 2025 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) năm 2025 (triệu đồng)	Sản lượng 6 tháng đầu năm 2026 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) 6 tháng đầu năm 2026 (triệu đồng)	Thời điểm dự án bắt đầu vận hành phát điện	Hợp đồng mua bán điện
8	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	998,76	1.235.562	2.519	709.033	1.493	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304027/2020-HĐĐMT ngày 28/12/2020
9	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	998,76	1.241.063	2.531	710.466	1.496	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304025/2020-HĐĐMT ngày 28/12/2020
10	Công ty TNHH TWO Brothers Energy	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	996,30	1.252.057	2.553	717.094	1.509	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0303983/2020-HĐĐMT ngày 28/12/2020
11	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	999,00	1.229.011	2.506	700.517	1.475	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0303996/2020-HĐĐMT ngày 28/12/2020



STT	Công ty thực hiện	Dự án	Công suất (kWp)	Sản lượng năm 2025 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) năm 2025 (triệu đồng)	Sản lượng 6 tháng đầu năm 2026 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) 6 tháng đầu năm 2026 (triệu đồng)	Thời điểm dự án bắt đầu vận hành phát điện	Hợp đồng mua bán điện
12	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	999,00	1.220.673	2.489	696.468	1.466	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304028/2020-HĐĐMT ngày 28/12/2020
13	Công ty TNHH Mặt Trời Tuấn Anh	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	998,76	1.254.158	2.557	718.776	1.513	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304023/2020-HĐĐMT ngày 28/12/2020
14	Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	988,90	1.263.765	2.577	709.960	1.494	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304029/2020-HĐĐMT ngày 28/12/2020
15	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	996,30	1.256.765	2.563	710.665	1.496	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304024/2020-HĐĐMT ngày 28/12/2020



STT	Công ty thực hiện	Dự án	Công suất (kWp)	Sản lượng năm 2025 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) năm 2025 (triệu đồng)	Sản lượng 6 tháng đầu năm 2026 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) 6 tháng đầu năm 2026 (triệu đồng)	Thời điểm dự án bắt đầu vận hành phát điện	Hợp đồng mua bán điện
16	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	988,92	1.219.260	2.486	680.830	1.433	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304022/2020-HĐĐMT ngày 28/12/2020
17	Công ty TNHH New Power Việt Nam	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	996,30	1.258.761	2.567	736.833	1.551	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304030/2020-HĐĐMT ngày 28/12/2020
18	Công ty TNHH Năng Lượng Thế Kỷ Mới	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	992,60	1.240.107	2.529	726.167	1.529	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0303984/2020-HĐĐMT ngày 28/12/2020
19	Công ty TNHH Năng Lượng Thời Đại Mới	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	996,30	1.296.825	2.644	742.875	1.564	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12HH0153276/2020-HĐĐMT ngày 25/12/2020

STT	Công ty thực hiện	Dự án	Công suất (kWp)	Sản lượng năm 2025 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) năm 2025 (triệu đồng)	Sản lượng 6 tháng đầu năm 2026 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) 6 tháng đầu năm 2026 (triệu đồng)	Thời điểm dự án bắt đầu vận hành phát điện	Hợp đồng mua bán điện
20	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	996,30	1.303.052	2.657	740.775	1.559	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12HH0153275/2020-HĐĐMT ngày 25/12/2020
21	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	999,00	1.222.663	2.493	727.458	1.531	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 20/PC12II042688 5 ngày 26/12/2020
22	Công ty TNHH Solar Việt	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	996,30	1.225.217	2.498	732.110	1.541	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 20/PC12II042688 6 ngày 26/12/2020
23	Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Lâm Đồng (trước là tỉnh Đắk Nông) (*)	996,30	1.319.146	2.690	729.372	1.535	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 220/2020 ngày 26/12/2020



STT	Công ty thực hiện	Dự án	Công suất (kWp)	Sản lượng năm 2025 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) năm 2025 (triệu đồng)	Sản lượng 6 tháng đầu năm 2026 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) 6 tháng đầu năm 2026 (triệu đồng)	Thời điểm dự án bắt đầu vận hành phát điện	Hợp đồng mua bán điện
24	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Lâm Đồng (trước là tỉnh Đắk Nông) (*)	999,17	1.319.317	2.690	728.925	1.534	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 209/2020 ngày 25/12/2020
25	Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Lâm Đồng (trước là tỉnh Đắk Nông) (*)	996,30	1.303.232	2.657	721.843	1.519	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 215/2020 ngày 26/12/2020
26	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Lâm Đồng (trước là tỉnh Đắk Nông) (*)	1.003,68	1.332.684	2.717	732.593	1.542	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 211/2020 ngày 26/12/2020
27	Công Ty TNHH Đầu Tư Năng Lượng NVH Việt Nam	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Lâm Đồng (trước là tỉnh Đắk Nông) (*)	995,28	1.159.646	2.365	663.378	1.396	Tháng 11 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 23/2020 ngày 02/11/2020



STT	Công ty thực hiện	Dự án	Công suất (kWp)	Sản lượng năm 2025 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) năm 2025 (triệu đồng)	Sản lượng 6 tháng đầu năm 2026 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) 6 tháng đầu năm 2026 (triệu đồng)	Thời điểm dự án bắt đầu vận hành phát điện	Hợp đồng mua bán điện
28	Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Thành Thắng	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Lâm Đồng (trước là tỉnh Đắk Nông) (*)	995,35	1.088.551	2.220	605.919	1.275	Tháng 11 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 22/2020 ngày 02/11/2020
29	Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Duy Đình	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Lâm Đồng (trước là tỉnh Đắk Nông) (*)	996,20	1.144.300	2.333	593.722	1.250	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 227/2020 ngày 26/12/2020
30	Công ty TNHH Duy Đình Solar	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Lâm Đồng (trước là tỉnh Đắk Nông) (*)	995,35	1.112.396	2.268	590.487	1.243	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 172/2020 ngày 19/12/2020
31	Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Lâm Đồng (trước là tỉnh Đắk Nông) (*)	995,88	1.135.550	2.315	591.944	1.246	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 222/2020 ngày 26/12/2020



STT	Công ty thực hiện	Dự án	Công suất (kWp)	Sản lượng năm 2025 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) năm 2025 (triệu đồng)	Sản lượng 6 tháng đầu năm 2026 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) 6 tháng đầu năm 2026 (triệu đồng)	Thời điểm dự án bắt đầu vận hành phát điện	Hợp đồng mua bán điện
32	Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Lâm Đồng (trước là tỉnh Đắk Nông) (*)	995,88	1.127.438	2.299	585.016	1.231	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 223/2020 ngày 26/12/2020
33	Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Lâm Đồng (trước là tỉnh Đắk Nông) (*)	995,88	1.171.172	2.388	617.434	1.300	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 225/2020 ngày 26/12/2020
34	Công ty Cổ phần SD Trường Thành	Nhà máy Điện mặt trời Thuận Minh 2 (**)	50.000	69.674.729	163.001	39.043.713	91.694	Tháng 6 năm 2019	Hợp đồng mua bán điện số 11/2018-NMĐMT-THUAN MINH 2 ngày 09/11/2018

(Nguồn: Công ty Cổ phần Helio Energy)

(*) Các dự án điện mặt trời mái nhà của Công ty mẹ và các Công ty con đều đã hoàn tất đầy đủ các thủ tục pháp lý cần thiết để đưa vào vận hành theo Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 18/2020/TT-BCT quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời ban hành bởi Bộ Công thương ngày 17/07/2020. Theo đó, toàn bộ các dự án điện mặt trời mái nhà hiện hữu đã hoàn thành thỏa thuận đấu nối, kiểm tra kỹ thuật, lắp đặt công tơ đo đếm sản lượng điện, chốt chỉ số công tơ, ký kết hợp đồng mua bán điện và đóng điện đưa hệ thống vào vận hành. Theo các hợp đồng mua bán điện đã ký kết, giá bán điện được áp dụng ở mức 8,38 UScent/kWh và được giữ cố định trong thời hạn 20 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Hiện nay, các dự án đang được vận hành ổn định, tuân thủ đầy đủ các quy trình kỹ thuật theo quy định và đáp ứng các yêu cầu về vận hành hệ thống điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

Về thời gian hoạt động của các dự án điện mặt trời mái nhà, hồ sơ pháp lý dự án không quy định cụ thể thời hạn hoạt động, và vòng đời thực tế được xác định thông qua tuổi thọ kỹ thuật của các thiết bị chính. Cụ thể: tấm pin quang điện được bảo hành hiệu suất 20 năm và có tuổi thọ vận hành thực tế có thể lên tới 25 – 35 năm; bộ biến tần (inverter) được nhà sản xuất công bố tuổi thọ thiết kế lên tới 20 – 25 năm; kết cấu giá đỡ và hệ thống cáp DC/AC được chứng nhận tuổi thọ 25 năm theo tiêu chuẩn hiện hành. Bên cạnh đó trong quá trình vận hành, các thiết bị này đều có thể được thay thế khi phát sinh sự cố mà không yêu cầu dừng toàn bộ hệ thống, đảm bảo tính liên tục của hoạt động phát điện. Với đặc tính nêu trên, vòng đời kỹ thuật của các dự án điện mặt trời mái nhà có thể được xác định là trên 20 năm, đáp ứng toàn bộ thời hạn của Hợp đồng mua bán điện.

(**) Dự án Nhà máy Điện mặt trời Thuận Minh 2 đã hoàn tất đầy đủ các thủ tục pháp lý cần thiết để đưa vào vận hành theo Thông tư số 16/2017/TT-BCT quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời ban hành bởi Bộ Công thương ngày 12/09/2017 và quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình:

- Vị trí dự án: Xã Hàm Thuận, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam;
- Dự án đã được cấp quyết định chủ trương đầu tư số 1793/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận; theo đó xác định thời hạn hoạt động của dự án là 50 năm kể từ ngày UBND tỉnh cấp Quyết định chủ trương đầu tư.
- Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2 đã hoàn tất thỏa thuận đấu nối và ký kết hợp đồng mua bán điện với EVN theo cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam quy định tại Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, với mức giá áp dụng là 9,35 UScents/kWh.
- Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2 đã chính thức được đưa vào vận hành thương mại từ tháng 6/2019 theo công văn số 2926/EPTC-KDMĐ ngày 28/06/2019 của Công ty Mua bán điện.
- Công ty Cổ phần SD Trường Thành – đơn vị sở hữu Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2 đã được Bộ Công thương cấp Giấy phép hoạt động Điện lực số 371/GP-ĐTĐL ngày 22/11/2019.

❖ Hoạt động dịch vụ tư vấn thực hiện dự án điện

Helio Energy đã bắt đầu triển khai các hoạt động dịch vụ tư vấn thực hiện các dự án năng lượng tái tạo từ năm 2022. Từ đó đến nay, tận dụng kinh nghiệm, sự am hiểu chuyên sâu của đội ngũ nhân sự, Helio Energy tiếp tục cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ nghiên cứu khảo sát dự án đầu tư; tư vấn, hỗ trợ thực hiện phân tích, đánh giá hiệu quả dự án đầu tư năng lượng; tư vấn về công nghệ, giải pháp sản xuất năng lượng sạch; tư vấn quy trình thủ tục pháp lý dự án, hỗ trợ xây dựng hồ sơ đăng ký dự án; tư vấn triển khai thực hiện dự án;...

❖ Hoạt động dịch vụ quản lý vận hành các dự án điện

Từ giữa năm 2022, Helio Energy đã triển khai hoạt động dịch vụ quản lý vận hành dự án cho các công ty con. Từ đó đến nay, với mục tiêu tối ưu hóa hiệu quả hoạt động quản trị, Công ty tiếp tục thực hiện triển khai hoạt động dịch vụ quản lý vận hành cho các công ty con bao gồm các dịch vụ: theo dõi, giám sát vận hành dự án, rửa pin, bảo trì, bảo dưỡng... Ngoài ra, Công ty cũng tích cực tìm kiếm các khách hàng tiềm năng, mở rộng dịch vụ này tới các đơn vị bên ngoài với kỳ vọng dịch vụ này sẽ ngày càng phát triển và mang lại nguồn doanh thu ổn định.

10.1.2. Mô tả hoạt động kinh doanh**(a) Quy trình hoạt động kinh doanh**

Helio Energy và các Công ty con có hoạt động chủ yếu là đầu tư xây dựng/thực hiện M&A các Dự án điện mặt trời và vận hành các dự án này. Các quy trình để thực hiện xây dựng và vận hành dự án, góp vốn/đầu tư vào các Công ty con và dự án, được HIO thực hiện nghiêm ngặt, cẩn trọng, cụ thể:

- **Đối với hoạt động xây dựng dự án:** Công ty sẽ lựa chọn và ký kết hợp đồng với các nhà thầu đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về kỹ thuật, chất lượng và tiến độ. Các nhà thầu sẽ thực hiện toàn bộ công việc thiết kế, mua sắm vật tư, thiết bị đến thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình; chạy thử, nghiệm thu và bàn giao dưới sự kiểm tra giám sát chặt chẽ của Công ty.
- **Đối với hoạt động vận hành dự án:** Công ty luôn bảo đảm triển khai công việc đúng quy trình kỹ thuật nghiêm ngặt. Hệ thống máy móc thiết bị chủ chốt (bao gồm tấm pin mặt trời, hệ thống inverter, trạm biến áp và đường dây truyền tải) được kiểm tra, đánh giá, vệ sinh và bảo dưỡng định kỳ. Cụ thể, công tác vệ sinh tấm pin và kiểm tra đầu nối được thực hiện bằng thiết bị chuyên dụng; hoạt động đo kiểm nhiệt độ, bảo dưỡng inverter và trạm biến áp được triển khai hàng tháng được thực hiện bởi các doanh nghiệp chuyên môn cung cấp các dịch vụ bảo trì bảo dưỡng nhằm tối ưu hóa tuổi thọ thiết bị và duy trì hiệu suất phát điện ở mức cao nhất. Đồng thời, xuyên suốt quá trình vận hành, Công ty tuân thủ tuyệt đối các quy định về an toàn cháy nổ và an toàn điện. Từng dự án của Công ty đều đã được nghiệm thu và cấp giấy nghiệm thu phòng cháy chữa cháy hoặc các biên bản kiểm tra phòng cháy chữa cháy hàng năm bởi cơ quan có thẩm quyền, cùng với việc nghiêm túc thực hiện mua bảo hiểm rủi ro tài sản và cháy nổ bắt buộc cho toàn bộ hệ thống điện, bảo đảm an toàn cho người lao động cũng như bảo vệ tối đa tài sản của doanh nghiệp trước các rủi ro khách quan.
- **Đối với hoạt động đầu tư/góp vốn vào công ty con:** Trước khi quyết định đầu tư hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp, Công ty thực hiện quy trình thẩm định toàn diện với sự tham gia của các bộ phận chuyên môn liên quan, bao gồm đánh giá hiệu quả tài chính, rà soát pháp lý và xem xét chất lượng dự án trên cơ sở mô hình triển khai, quy mô và phương

án đầu tư dự kiến. Việc đánh giá chất lượng dự án tập trung vào các yếu tố kỹ thuật như công nghệ, vật liệu, máy móc thiết bị, hiện trạng tài sản và khả năng vận hành nhằm đảm bảo hiệu quả khai thác và tính bền vững trong dài hạn. Trên cơ sở kết quả thẩm định của các bộ phận chuyên môn, Công ty thực hiện đánh giá hiệu quả đầu tư, xác định giá trị và xây dựng phương án giao dịch phù hợp. Đối với các giao dịch có quy mô lớn hoặc khi xét thấy cần thiết, Công ty có thể tham khảo ý kiến của các đơn vị tư vấn chuyên nghiệp, đơn vị thẩm định giá hoặc các tổ chức độc lập khác nhằm hỗ trợ quá trình đánh giá và ra quyết định đầu tư.

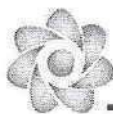
(b) Công nghệ áp dụng

Trong xã hội hiện đại ngày nay, công nghệ có vai trò đặc biệt quan trọng trong mọi mặt của đời sống, Công ty nhận thức được rằng việc áp dụng công nghệ vào quy trình hoạt động của doanh nghiệp là điều thiết yếu. Công ty luôn chú trọng tới việc áp dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật hiện đại vào các hoạt động kinh doanh của mình để tối ưu hóa năng lực sản xuất cũng như hiệu quả kinh doanh.

Trong công tác vận hành, Công ty luôn ưu tiên lựa chọn các giải pháp công nghệ hiện đại hàng đầu nhằm phát huy tối đa công suất toàn hệ thống và rút ngắn thời gian khắc phục sự cố. Toàn bộ thiết bị cấu thành như tấm pin, bộ biến tần (Inverter), hệ thống dây cáp điện chuyên dụng, và tủ phân phối đều được chọn lọc kỹ lưỡng từ các nhà sản xuất uy tín toàn cầu như Huawei, Growatt, JA Solar. Điểm nhấn công nghệ vượt trội nằm ở hệ thống Giám sát thông minh ở cấp độ chuỗi (Smart String) kết hợp Inverter chuỗi của Huawei/Growatt. Công nghệ này sở hữu khả năng tự động phát hiện lỗi chính xác đến từng chuỗi pin (string) và định vị vị trí sự cố qua bản đồ số hóa. Nhờ đó, hệ thống giúp giảm thiểu 80% thời gian rà soát thủ công của kỹ sư, cho phép cô lập vùng lỗi từ xa để sửa chữa nhanh chóng mà không làm gián đoạn hoạt động của toàn nhà máy, đồng thời tích hợp tính năng ngắt mạch tự động khi có sự cố hồ quang điện (AFCD) để giảm thiểu tối đa nguy cơ cháy nổ.

Một trong các thành phần cơ bản và quyết định hiệu suất hoạt động của hệ thống điện năng lượng mặt trời là các tấm pin mặt trời. Hiện nay, các Dự án điện mặt trời của Công ty đều sử dụng các tấm pin đơn tinh thể (pin mono) với hiệu suất và tuổi thọ cao hơn so với các tấm pin đa tinh thể (pin poly). So với pin poly, pin mono sở hữu các lợi thế vượt trội giúp tối ưu hóa hiệu quả kinh tế cho các dự án khi được cấu tạo từ phôi silicon đơn tinh thể có độ tinh khiết cực cao, giúp đạt hiệu suất quang năng từ 20% đến 22%, cao hơn hẳn mức 15% đến 17% của pin poly, từ đó sản xuất ra lượng điện lớn hơn trên cùng một diện tích lắp đặt. Bên cạnh đó, cấu trúc nguyên tử đồng nhất giúp pin mono có hệ số suy giảm hiệu suất theo nhiệt độ thấp hơn; ngay cả trong điều kiện ánh sáng yếu, trời âm u hoặc ít nắng, loại pin này vẫn duy trì khả năng hấp thụ và sản xuất điện ổn định, đảm bảo sản lượng phát lưới quanh năm. Ngoài ra, pin mono có tỷ lệ suy hao công suất rất thấp dưới 0.5% mỗi năm, đảm bảo tuổi thọ vận hành hiệu quả trên 25 năm, cùng khả năng chống chịu tốt với điều kiện môi trường khắc nghiệt giúp doanh nghiệp giảm thiểu chi phí bảo trì và tối ưu hóa dòng tiền đầu tư dài hạn.

Bên cạnh đó, Công ty từng bước ứng dụng các giải pháp công nghệ số trong công tác giám sát và bảo trì dự án. Tại một số dự án, Công ty sử dụng thiết bị bay không người lái (drone) tích hợp cảm biến nhiệt để kiểm tra tình trạng hoạt động của các tấm pin mặt trời và phát hiện sớm các điểm phát nhiệt bất thường (hotspot), suy giảm hiệu suất hoặc các dấu hiệu hư hỏng tiềm ẩn mà phương pháp kiểm tra thông thường khó nhận diện. Dữ liệu thu thập được từ hệ thống giám sát, thiết bị đo đạc và drone được tổng hợp, phân tích thông qua các công cụ xử lý



dữ liệu nhằm hỗ trợ đánh giá hiệu suất vận hành, dự báo sản lượng điện, nhận diện sớm các rủi ro kỹ thuật và xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng phù hợp. Qua đó, Công ty nâng cao hiệu quả khai thác hệ thống, giảm thiểu thời gian ngừng hoạt động và tối ưu hóa sản lượng điện của các dự án.

Tại các dự án, Công ty vẫn bố trí đội ngũ nhân sự chuyên môn và kỹ thuật phù hợp để thực hiện công tác vận hành, kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng thiết bị, giám sát tình trạng hoạt động của hệ thống và xử lý các sự cố phát sinh khi cần thiết. Với địa bàn hoạt động trải dài ở các tỉnh, trụ sở Công ty ở Hà Nội trong khi các dự án hầu hết ở khu vực phía Nam, Công ty đã đẩy mạnh ứng dụng các hệ thống công nghệ thông tin trong công tác quản trị, điều hành và giám sát hoạt động. Thông qua các nền tảng hợp trực tuyến, hệ thống quản lý dữ liệu và giám sát vận hành từ xa, Ban lãnh đạo Công ty có thể kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của các dự án, đưa ra các quyết định điều hành nhanh chóng, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và tối ưu chi phí vận hành.

(c) Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Helio Energy và các Công ty con hoạt động chính trong lĩnh vực năng lượng, hoạt động kinh doanh không mang tính thời vụ mà diễn ra liên tục trong năm.

(d) Đánh giá tác động của môi trường

Tại Helio Energy và các Công ty con, danh mục các dự án điện mặt trời, bao gồm các dự án điện mặt trời mái nhà và Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2, là minh chứng cho mô hình phát triển năng lượng tái tạo theo hướng bền vững và thân thiện với môi trường. Các dự án điện mặt trời mái nhà được triển khai trên mái các công trình hiện hữu hoặc khu vực có quy mô hạn chế, không làm thay đổi mục đích sử dụng đất và hạn chế tối đa tác động đến môi trường xung quanh; trong quá trình vận hành, hệ thống không phát thải khí, không phát sinh nước thải và không gây ô nhiễm tiếng ồn. Đối với Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2, dự án được đầu tư và xây dựng tại khu vực phù hợp quy hoạch, đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật nhằm hạn chế ảnh hưởng đến địa hình tự nhiên, hệ sinh thái và môi trường khu vực. Dự án đã được phê duyệt các yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án về bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, nước thải, các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy tại Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của UBND tỉnh Bình Thuận. Ngoài ra, dự án được triển khai trên quỹ đất năng lượng, không ảnh hưởng đến khu vực đất rừng, hệ thống sông suối và hệ sinh thái thiên nhiên xung quanh. Toàn bộ các dự án được vận hành theo mô hình giám sát và điều khiển từ xa, đảm bảo an toàn, ổn định và tối ưu hiệu suất khai thác, đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường trong suốt quá trình đầu tư và vận hành, qua đó thể hiện định hướng phát triển năng lượng tái tạo bền vững, hài hòa giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và đóng góp tích cực cho cộng đồng.

(e) Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu và sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu:

Đối với Helio Energy, hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời không phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu đầu vào theo nghĩa truyền thống, mà chủ yếu dựa vào nguồn bức xạ mặt trời – một nguồn năng lượng tái tạo tự nhiên, dồi dào và không bị giới hạn. Bên cạnh đó, các dự án điện mặt trời của Công ty, bao gồm các hệ thống điện mặt trời mái nhà và Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2, đều sử dụng các thiết bị theo một quy trình khép kín: các tấm pin quang điện có nhiệm vụ hấp thụ ánh nắng và chuyển hóa thành dòng điện một chiều (DC). Dòng điện này tiếp tục đi qua bộ biến tần (inverter) để đổi sang dòng điện xoay chiều (AC) tương thích

với lưới điện. Cuối cùng, máy biến áp cùng hệ thống điện phụ trợ sẽ làm nhiệm vụ tăng áp và truyền tải nguồn năng lượng sạch này hòa vào hệ thống điện quốc gia một cách an toàn và ổn định. Các thiết bị này được đầu tư đồng bộ ngay từ giai đoạn xây dựng và có vòng đời khai thác dài, ít phát sinh nhu cầu thay thế lớn trong quá trình vận hành. Trong giai đoạn vận hành, nhu cầu vật tư chủ yếu liên quan đến công tác bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và thay thế thiết bị phụ trợ. Các vật tư này có nguồn cung phổ biến trên thị trường, với chất lượng kiểm soát và có mức giá tương đối ổn định.

Ảnh hưởng của giá cả đến doanh thu và lợi nhuận:

Do đặc thù không sử dụng nguyên liệu đầu vào có chi phí biến đổi lớn, chi phí sản xuất điện của Công ty chủ yếu bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí vận hành, bảo trì hệ thống. Nguồn năng lượng đầu vào là bức xạ mặt trời không chịu tác động bởi biến động giá cả thị trường, do đó hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi rủi ro biến động giá nguyên vật liệu như các ngành sản xuất truyền thống. Tuy nhiên, hiệu quả khai thác điện có thể chịu ảnh hưởng bởi điều kiện thời tiết, đặc biệt là số giờ nắng và cường độ bức xạ, đây là yếu tố đặc thù của ngành năng lượng tái tạo. Nhìn chung, với đặc thù chi phí đầu vào ổn định và không phụ thuộc vào biến động giá nguyên vật liệu, Công ty có lợi thế trong việc kiểm soát chi phí và duy trì hiệu quả hoạt động trong dài hạn.

(f) Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất điện từ năng lượng mặt trời, với sản phẩm là điện năng được hòa vào hệ thống điện quốc gia thông qua các hợp đồng mua bán điện đã ký kết. Quá trình phát điện tại các nhà máy của Công ty được thiết lập vận hành tự động và liên tục thông qua hệ thống "mắt thần" giám sát - công nghệ điều khiển từ xa thông minh, giúp số hóa toàn bộ dữ liệu kỹ thuật để đảm bảo hệ thống luôn chạy ổn định ở trạng thái lý tưởng nhất. Không chỉ tập trung vào sản lượng, chất lượng dòng điện phát ra luôn được đo lường nghiêm ngặt bằng các thiết bị kiểm định công nghệ cao trước khi hòa vào lưới điện chung. Hoạt động này được kết nối trực tiếp và đồng bộ với hạ tầng năng lượng quốc gia theo quy định tại Thông tư 40/2014/TT-BCT và Thông tư 30/2019/TT-BCT của Bộ Công thương. Theo đó, mọi thông số cốt lõi như công suất, điện áp và tần số dòng điện đều được truyền dữ liệu theo thời gian thực (Real-time) về Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia (A0) qua hệ thống SCADA/EMS. Việc tuân thủ tuyệt đối các lệnh điều phối này giúp nhà máy vận hành nhịp nhàng cùng hệ thống chung, giữ cho dòng điện luôn an toàn, ổn định.

Bên cạnh đó, Công ty áp dụng hệ thống quản lý vận hành theo hướng chuẩn hóa và kiểm soát rủi ro, bao gồm việc xây dựng và thực hiện các quy trình vận hành tiêu chuẩn, kế hoạch bảo trì bảo dưỡng định kỳ và kiểm tra kỹ thuật thường xuyên đối với toàn bộ hệ thống thiết bị. Công tác bảo trì được triển khai theo hướng chủ động, kết hợp giữa bảo trì định kỳ và bảo trì dựa trên tình trạng thiết bị, nhằm kéo dài tuổi thọ tài sản, giảm thiểu sự cố và duy trì mức độ sẵn sàng vận hành cao của các nhà máy. Ngoài ra, Công ty chú trọng triển khai đồng bộ các yêu cầu về an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng cháy chữa cháy trong toàn bộ quá trình vận hành. Các hoạt động kiểm tra, giám sát nội bộ được thực hiện định kỳ nhằm đảm bảo việc tuân thủ các quy định pháp luật và tiêu chuẩn ngành, đồng thời nâng cao ý thức và năng lực quản lý vận hành của hệ thống.

Thông qua việc duy trì hệ thống kiểm soát chất lượng và vận hành theo hướng chuyên nghiệp, Công ty hướng tới đảm bảo độ tin cậy cao trong phát điện, tối ưu hiệu quả khai thác tài

sản và đáp ứng ổn định các nghĩa vụ cung cấp điện theo hợp đồng đã ký kết, qua đó củng cố uy tín và vị thế của Công ty trong lĩnh vực năng lượng tái tạo.

10.1.3. Cơ cấu doanh thu của Công ty

Bảng 8: Cơ cấu doanh thu thuần (Công ty mẹ)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1. Doanh thu bán điện	9.801	29,10%	9.408	28,25%	5.322	31,07%
2. Doanh thu dịch vụ tư vấn, quản lý	23.764	70,56%	23.708	71,18%	11.718	68,39%
3. Doanh thu cho thuê	113	0,33%	190	0,57%	93	0,54%
Tổng cộng	33.678	100%	33.306	100%	17.133	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC riêng bán niên năm 2026 đã được soát xét của Công ty cổ phần Helio Energy)

Bảng 9: Cơ cấu doanh thu thuần (Hợp nhất)

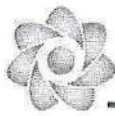
Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1. Doanh thu bán điện	100.488	84,23%	93.105	84,94%	106.124	92,83%
2. Doanh thu dịch vụ tư vấn, quản lý	14.111	11,83%	14.023	12,79%	6.963	6,09%
3. Doanh thu cho thuê	4.700	3,94%	2.482	2,26%	1.239	1,08%
Tổng cộng	119.299	100%	109.611	100%	114.327	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên năm 2026 đã được soát xét của Công ty cổ phần Helio Energy)

Doanh thu thuần của Công ty mẹ đến từ hoạt động bán điện, và các hoạt động dịch vụ tư vấn, quản lý liên quan đến ngành điện. Trong năm 2025, doanh thu thuần của Công ty mẹ là 33,31 tỷ đồng, giảm nhẹ so với năm 2024. Trong đó, cơ cấu doanh thu bán điện vẫn duy trì ở mức ổn định. Sang đến năm 2026, doanh thu thuần 6 tháng đầu năm đạt mức 17,13 tỷ đồng.

Đối với hoạt động bán điện, hiện nay, Công ty mẹ đang vận hành và quản lý 4 dự án điện mặt trời với tổng công suất là 4 MWp tại các tỉnh Lâm Đồng, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai. Các dự án điện mặt trời này đã được Công ty ký kết hợp đồng bán điện các đơn vị điện lực tại từng địa phương tương ứng, với giá bán điện là 8,38 UScent/kWh cố định trong 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại. Do đó, doanh thu hoạt động này đang được duy trì ổn định qua các năm. Doanh thu hoạt động bán điện năm 2024 và năm 2025 đạt giá trị lần lượt là 9,80 tỷ đồng (chiếm 29,10% tổng doanh thu thuần) và 9,41 tỷ đồng (chiếm 28,25% tổng doanh thu



thuần). Doanh thu bán điện 6 tháng đầu năm 2026 của Công ty mẹ đạt 5,32 tỷ đồng (chiếm 31,07% tổng doanh thu thuần).

Đối với hoạt động dịch vụ, Công ty mẹ cung cấp hai dịch vụ chính là quản lý vận hành dự án điện mặt trời trên mái nhà và tư vấn đầu tư thực hiện dự án điện. Từ giữa năm 2022, Công ty mẹ đã triển khai dịch vụ quản lý vận hành cho các dự án của Công ty con nhằm khai thác tối đa hiệu quả hoạt động của Công ty, đảm bảo việc quản lý, giám sát vận hành và bảo dưỡng được thống nhất, thuận lợi giữa các đơn vị. Đối với dịch vụ quản lý vận hành, Công ty mẹ và các công ty con thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ theo từng năm. Trên cơ sở nhu cầu thực tế và hiệu quả triển khai dịch vụ, các bên thực hiện rà soát, đánh giá và ký kết lại hợp đồng định kỳ theo quy định. Đồng thời, với đội ngũ kỹ sư lành nghề và có nhiều kinh nghiệm, Công ty mẹ còn thực hiện mở rộng dịch vụ này ra với các đối tác bên ngoài. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn duy trì được tệp khách hàng ổn định và triển khai ký kết hợp đồng thường niên với các khách hàng thân thiết. Bên cạnh dịch vụ quản lý vận hành, Công ty mẹ cũng tích cực triển khai hoạt động dịch vụ tư vấn đầu tư, hỗ trợ các đối tác có nhu cầu và mong muốn tham gia vào thị trường năng lượng tái tạo tại Việt Nam. Nhờ đó, tổng doanh thu dịch vụ tư vấn, quản lý luôn duy trì mức tỷ trọng lớn trên tổng doanh thu thuần của Công ty mẹ. Doanh thu dịch vụ tư vấn, quản lý năm 2024 và năm 2025 đạt giá trị tương ứng lần lượt là 23,76 tỷ đồng (chiếm 70,56% tổng doanh thu thuần) và 23,71 tỷ đồng (chiếm 71,18% tổng doanh thu thuần). Doanh thu hoạt động tư vấn, quản lý của Công ty mẹ đạt gần 11,72 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2026 (chiếm 68,39% tổng doanh thu thuần).

Về tình hình doanh thu hợp nhất của Công ty, doanh thu thuần năm 2024 và năm 2025 lần lượt đạt 119,30 tỷ đồng và 109,61 tỷ đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2026, doanh thu thuần hợp nhất đạt gần 114,33 tỷ đồng, tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu nhờ việc hợp nhất Công ty Cổ phần SD Trường Thành từ tháng 3/2026.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty và các công ty con là sản xuất điện từ năng lượng mặt trời, do đó doanh thu bán điện luôn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất. Nhờ tích lũy kinh nghiệm trong công tác quản lý, vận hành, thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết để xây dựng và điều chỉnh kế hoạch vận hành phù hợp, Công ty đã tối ưu hóa sản lượng điện phát, góp phần duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và hạn chế tác động bất lợi từ các yếu tố khách quan. Cụ thể, doanh thu bán điện hợp nhất năm 2024 đạt 100,50 tỷ đồng, chiếm 84,23% tổng doanh thu thuần. Năm 2025, doanh thu bán điện đạt 93,11 tỷ đồng, chiếm 84,94% tổng doanh thu thuần, giảm 7,35% so với năm 2024. Trong 6 tháng đầu năm 2026, doanh thu bán điện đạt 106,12 tỷ đồng, chiếm 92,83% tổng doanh thu thuần hợp nhất, phản ánh sự mở rộng quy mô hoạt động sản xuất điện của Công ty sau khi hợp nhất Công ty Cổ phần SD Trường Thành, kết hợp với hiệu quả vận hành ổn định của các nhà máy điện mặt trời hiện hữu.

Trong cơ cấu Doanh thu thuần hợp nhất, dịch vụ tư vấn, quản lý đem lại doanh thu trong năm 2024, năm 2025 và 6 tháng đầu năm 2026 lần lượt là 14,11 tỷ đồng, 14,02 tỷ đồng và 6,96 tỷ đồng. Hoạt động này được thực hiện tại Công ty mẹ như đã trình bày ở trên. Ngoài ra, doanh thu hợp nhất còn đến từ hoạt động cho thuê, cụ thể là cho thuê khung giàn nhà xưởng tại các công ty con. Doanh thu từ hoạt động này không đáng kể, đạt mức 4,70 tỷ đồng trong năm 2024 và 2,48 tỷ đồng trong năm 2025. Trong 6 tháng đầu năm 2026, doanh thu từ hoạt động cho thuê khung giàn đạt 1,24 tỷ đồng.



Ngoài nguồn doanh thu thuần kể trên, Công ty và các Công ty con có các thu nhập khác chi tiết như sau:

• **Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng Giấy chứng nhận năng lượng tái tạo (Renewable Energy Certificate - REC)**

- *Về tính chất hoạt động và nguồn gốc phát sinh thu nhập:*

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng Giấy chứng nhận năng lượng tái tạo (Renewable Energy Certificate - REC) phát sinh trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ và mua bán Giấy chứng nhận năng lượng tái tạo được ký kết giữa Công ty, các công ty con và SYS Energy Pte., Ltd. Theo đó, SYS Energy là đơn vị thực hiện việc đăng ký, phát hành, quản lý và giao dịch REC trên thị trường. Hợp đồng được ký kết từ năm 2023 và hiện có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2026 theo thỏa thuận gia hạn giữa hai bên.

REC là chứng nhận xác nhận sản lượng điện được sản xuất từ nguồn năng lượng tái tạo. Trên cơ sở sản lượng điện thực tế phát lên lưới của các dự án điện năng lượng tái tạo, các chứng nhận REC được phát hành sau khi được đăng ký, xác minh và ghi nhận bởi hệ thống đăng ký quốc tế có liên quan và có thể được giao dịch với các tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng nhằm đáp ứng các mục tiêu về môi trường, phát triển bền vững hoặc giảm phát thải carbon. Hiện nay, Công ty và các công ty con đều thực hiện đăng ký tham gia hoạt động chuyển nhượng Giấy chứng nhận năng lượng tái tạo. Việc đăng ký được thực hiện theo từng pháp nhân sở hữu các dự án điện mặt trời mái nhà.

Do các dự án của Công ty và các công ty con đều đang vận hành ổn định, hoạt động chuyển nhượng REC có tính chất phát sinh định kỳ trong quá trình hoạt động. Tuy nhiên, đây chỉ là hoạt động khai thác giá trị gia tăng từ việc sản xuất nguồn điện năng lượng tái tạo, không phải hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty và các công ty con. Nguồn doanh thu và dòng tiền chủ yếu của Công ty và các công ty con vẫn đến từ hoạt động sản xuất, kinh doanh điện năng. Vì vậy, khoản thu nhập từ REC chỉ mang tính chất bổ trợ, góp phần gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty và không phải là nguồn thu nhập trọng yếu trong cơ cấu doanh thu.

- *Về cơ sở xác định giá chuyển nhượng:*

Giá chuyển nhượng được xác định trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ và mua bán Giấy chứng nhận năng lượng tái tạo ký giữa Công ty, các công ty con và Công ty SYS Energy Pte., Ltd. Theo đó, sau khi hoàn thành các thủ tục đăng ký, xác minh tài sản và phát hành REC, SYS Energy thực hiện việc tìm kiếm khách hàng và giao dịch REC trên thị trường. Giá trị thanh toán cho Công ty được xác định căn cứ trên công suất lắp đặt của các dự án điện mặt trời mái nhà và đơn giá được các bên thống nhất trong hợp đồng.

Hoạt động chuyển nhượng giấy chứng nhận năng lượng tái tạo của Công ty và các công ty con phụ thuộc vào nhu cầu nhận chuyển nhượng trên thị trường nên không phải là hoạt động thường xuyên. Tính đến 31/12/2025, toàn bộ các Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của Công ty và các công ty con đều có hoạt động chuyển nhượng này.

Tại Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Đơn vị tính: VND



STT	Khách hàng	Doanh thu năm 2024	Tình hình thanh toán	Doanh thu năm 2025	Tình hình thanh toán
1	SYS Energy Pte, LTD	32.143.755	Tại ngày 31/12/2024: Đã hoàn thành thu tiền	37.227.110	Tại ngày 31/12/2025: Công ty chưa thu được tiền
	Tổng cộng	32.143.755		37.227.110	

Tại Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Đơn vị tính: VND

STT	Khách hàng	Doanh thu năm 2024	Tình hình thanh toán	Doanh thu năm 2025	Tình hình thanh toán
1	SYS Energy Pte, LTD	300.156.630	Tại ngày 31/12/2024: Đã hoàn thành thu tiền	346.194.086	Tại ngày 31/12/2025: Công ty chưa thu được tiền
	Tổng cộng	300.156.630		346.194.086	

- Về đánh giá khả năng thu hồi:

Công ty đã hoàn thành thu tiền trong năm 2023 và 2024. Đối với số tiền phải thu trong năm 2025, Công ty hiện vẫn đang tích cực làm việc với đối tác để thúc đẩy quá trình thanh toán và chưa có thông tin hoặc văn bản chính thức thể hiện việc đối tác từ chối thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với khoản công nợ này. Tuy nhiên, công ty vẫn tiếp tục ghi nhận và trích lập dự phòng theo tuổi nợ theo quy định tại Điều 6 – Thông ty 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 (chi tiết tại phần các khoản phải thu)

• Thu nhập khác từ lãi từ giao dịch mua rẻ:

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Công ty ghi nhận khoản lãi từ giao dịch mua rẻ gần 71,85 tỷ đồng phát sinh khi nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần SD Trường Thành. Khoản lãi này được trình bày trong chỉ tiêu Thu nhập khác, chi tiết như sau:

Căn cứ theo đoạn 55 của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 12 năm 2005, quy định:

“Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận theo quy định tại đoạn 36 vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì bên mua phải:

a) Xem xét lại việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh; và

b) Ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tất cả các khoản chênh lệch vẫn còn sau khi đánh giá lại.”

Căn cứ theo Khoản 9 – Điều 10: Nguyên tắc chung khi lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất – Thông tư số 202/2014/TT-BTC – Thông tư hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo hợp nhất do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, quy định:

“9. Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con).”

Chỉ tiêu	Giá trị (đvt: đồng)
Giá trị hợp lý của tài sản thuần (*)	475.157.194.947
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	193.308.169.943
Giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua (a)	281.849.025.004
Giá phí hợp nhất kinh doanh (b)	210.000.000.000
Lợi thế thương mại [(b) – (a)]	(71.849.025.004)

(*) Theo Chứng thư thẩm định giá số 261/2026/2225/04/CT ngày 21/4/2026 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Fargo, Giá trị vốn chủ sở hữu của SD Trường Thành tại thời điểm 16/03/2026 được xác định là 479.023.000.000 VND. Chênh lệch tăng so với giá trị ghi sổ là 3.865.805.053 VND, tương đương 0,81%. Ban Tổng Giám đốc xác định giá trị thẩm định giá tăng không đáng kể so với giá trị ghi sổ. Do đó, giá trị hợp lý được xác định tương đương với giá trị ghi sổ.

Giá phí hợp nhất kinh doanh chênh lệch nhỏ hơn so với giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua, do giá mua đã được các bên thỏa thuận và ấn định từ năm 2024, không có thay đổi tại thời điểm thực tế giao dịch chuyển nhượng cổ phần (tháng 3/2026). Cụ thể, giá chuyển nhượng cổ phần được xác định trên cơ sở giá trị ghi sổ theo Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của CTCP SD Trường Thành, được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được ghi nhận trong thỏa thuận nguyên tắc chuyển nhượng cổ phần ký kết giữa các bên vào năm 2024. Các điều khoản về giá chuyển nhượng này được các bên tuân thủ và cam kết thực hiện cho đến thời điểm hoàn tất giao dịch.

Về khả năng phân phối lợi nhuận từ lãi từ giao dịch mua rẻ: Căn cứ nguyên tắc kế toán của Tài khoản 421 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được quy định tại thông tư số 99/2025/TT -BTC – Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 10 năm 2025, quy định: “Các doanh nghiệp khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phí tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của doanh nghiệp.”

10.1.4. Cơ cấu lợi nhuận gộp

Bảng 10: Cơ cấu Lợi nhuận gộp (Công ty mẹ)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1. Lợi nhuận gộp bán điện	3.832	29,58%	2.938	25,53%	1.756	36,09%
2. Lợi nhuận gộp dịch vụ tư vấn, quản lý	9.199	71,02%	8.561	74,39%	3.107	63,85%
3. Lợi nhuận gộp cho thuê	(78)	(0,60%)	9	0,08%	3	0,06%
Tổng lợi nhuận gộp	12.953	100%	11.508	100%	4.866	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC riêng bán niên năm 2026 đã được soát xét của Công ty cổ phần Helio Energy)

Bảng 11: Cơ cấu Lợi nhuận gộp (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1. Lợi nhuận gộp bán điện	46.949	90,18%	35.718	87,84%	59.484	97,17%
2. Lợi nhuận gộp dịch vụ tư vấn, quản lý	5.526	10,61%	5.155	12,68%	1.837	3,00%
3. Lợi nhuận gộp cho thuê	(413)	(0,79%)	(210)	(0,52%)	(107)	(0,17%)
Tổng lợi nhuận gộp	52.062	100%	40.663	100%	61.215	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên năm 2026 đã được soát xét của Công ty cổ phần Helio Energy)

❖ Hoạt động sản xuất điện

Đối với Công ty mẹ, hoạt động sản xuất điện đóng góp lần lượt 29,58%, 25,53% và 36,09% tổng lợi nhuận gộp trong năm 2024, năm 2025 và 6 tháng đầu năm 2026. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán điện năm 2025 giảm so với năm 2024 chủ yếu do sản lượng điện thực tế suy giảm dưới tác động của điều kiện thời tiết và bức xạ mặt trời kém thuận lợi hơn năm trước. Tuy nhiên, các dự án vẫn duy trì trạng thái vận hành bình thường, sản lượng điện thực tế cơ bản phù hợp với đặc điểm kỹ thuật và điều kiện khai thác của từng dự án.

Đối với toàn Công ty, hoạt động sản xuất điện tiếp tục là mảng kinh doanh cốt lõi, đóng góp trên 87% tổng lợi nhuận gộp trong các kỳ được trình bày. Mặc dù lợi nhuận gộp năm 2025 giảm so với năm 2024 do sản lượng điện bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khách quan về thời tiết, các dự án vẫn duy trì hiệu quả khai thác và là nguồn đóng góp lợi nhuận chủ yếu của Công ty. Trong 6 tháng đầu năm 2026, lợi nhuận gộp từ hoạt động bán điện ghi nhận mức tăng trưởng tích cực nhờ kết quả vận hành thuận lợi của các dự án hiện hữu, đồng thời bắt đầu ghi nhận đóng góp từ Công ty Cổ phần SD Trường Thành sau khi được hợp nhất vào HIO từ tháng 3/2026.

❖ Hoạt động dịch vụ tư vấn, quản lý

Đối với Công ty mẹ, hoạt động dịch vụ tư vấn, quản lý là nguồn đóng góp lợi nhuận gộp chủ yếu, chiếm trên 70% tổng lợi nhuận gộp trong các năm 2024 và 2025. Nguồn thu này chủ yếu phát sinh từ việc cung cấp các dịch vụ quản lý, vận hành, giám sát kỹ thuật và hỗ trợ chuyên môn cho các dự án điện mặt trời mái nhà. Kết quả trên phản ánh vai trò của Công ty mẹ là đơn vị trung tâm trong công tác quản lý và vận hành các dự án, đồng thời cho thấy năng lực chuyên môn và kinh nghiệm quản lý của Công ty đã được khai thác hiệu quả để tạo nguồn thu ổn định.

Đối với hợp nhất, hoạt động dịch vụ tư vấn, quản lý duy trì kết quả tương đối ổn định trong các năm được trình bày. Mặc dù tỷ trọng thấp hơn so với hoạt động sản xuất điện, đây vẫn là nguồn thu bổ trợ có ý nghĩa, góp phần đa dạng hóa cơ cấu doanh thu.

❖ Hoạt động cho thuê

Hoạt động cho thuê chủ yếu phát sinh từ việc cho thuê khung giàn nhà xưởng tại các dự án điện mặt trời áp mái để các đơn vị địa phương thực hiện hoạt động canh tác dưới mái, bên cạnh một số hoạt động cho thuê máy móc, thiết bị với quy mô nhỏ. Đây là hoạt động mang tính bổ



trợ, được triển khai nhằm tận dụng cơ sở hạ tầng hiện hữu của các dự án, không phải hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty.

Lợi nhuận gộp từ hoạt động cho thuê ghi nhận giá trị âm hoặc hòa vốn trong các năm 2024, 2025 và 6 tháng đầu năm 2026. Nguyên nhân chủ yếu là do mức giá cho thuê tại một số dự án chưa đủ bù đắp toàn bộ chi phí khấu hao và các chi phí liên quan đến tài sản cho thuê. Giá cho thuê giữa các dự án có sự khác biệt tùy thuộc vào vị trí địa lý, điều kiện canh tác, đặc điểm thổ nhưỡng và nhu cầu thuê tại từng địa phương. Trong đó, các dự án thuộc Công ty mẹ tại khu vực đồng bằng có hiệu quả cho thuê tốt hơn, trong khi một số dự án tại các công ty con ghi nhận mức giá cho thuê thấp hơn.

Tuy nhiên, việc triển khai hoạt động cho thuê vẫn giúp Công ty tận dụng hiệu quả tài sản hiện hữu, tạo thêm nguồn thu để bù đắp một phần chi phí khấu hao và chi phí vận hành phát sinh. Trong trường hợp không thực hiện cho thuê, Công ty vẫn phải ghi nhận các chi phí liên quan đến tài sản nhưng không phát sinh doanh thu tương ứng, dẫn đến hiệu quả sử dụng tài sản thấp hơn. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục rà soát và tối ưu phương án khai thác đối với từng dự án nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và cải thiện kết quả của hoạt động này.

10.1.5. Cơ cấu chi phí của Công ty

Bảng 12: Cơ cấu chi phí (Công ty mẹ)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
I. Giá vốn hàng bán	20.725	73,99%	21.798	70,66%	12.267	67,05%
1. Giá vốn bán điện	5.969	21,31%	6.471	20,98%	3.566	19,49%
2. Giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý	14.565	52,00%	15.147	49,10%	8.611	47,07%
3. Giá vốn cho thuê	191	0,68%	180	0,58%	90	0,49%
II. Chi phí tài chính	1.105	3,95%	1.112	3,60%	736	4,02%
III. Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
IV. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.166	22,01%	7.774	25,20%	5.279	28,86%
V. Chi phí khác	15	0,05%	163	0,53%	12	0,07%
Tổng cộng	28.012^(*)	100%	30.847	100%	18.294	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC riêng bán niên năm 2026 đã được soát xét của Công ty cổ phần Helio Energy)



Bảng 13: Cơ cấu chi phí (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
I. Giá vốn hàng bán	67.237	67,72%	68.948	73,26%	53.112	71,73%
1. Giá vốn bán điện	53.539	53,93%	57.387	60,98%	46.640	62,99%
2. Giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý	8.586	8,65%	8.869	9,42%	5.126	6,92%
3. Giá vốn cho thuê	5.113	5,15%	2.693	2,86%	1.346	1,82%
II. Chi phí tài chính	22.865	23,03%	15.800	16,79%	14.334	19,36%
III. Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
IV. Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.941	8,00%	9.111	9,68%	6.494	8,77%
V. Chi phí khác	1.237	1,25%	247	0,26%	109	0,15%
Tổng cộng	99.280	100%	94.106	100%	74.048	100%

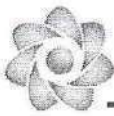
(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên năm 2026 đã được soát xét của Công ty cổ phần Helio Energy)

Tổng chi phí trong năm 2025 đạt 30,85 tỷ đồng, tăng 10,12% so với năm 2024. Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty mẹ là chi phí cho Giá vốn hàng bán. Tổng giá vốn hàng bán năm 2024 và năm 2025 đạt giá trị lần lượt là 20,7 tỷ đồng (chiếm 74% tổng chi phí) và 21,80 tỷ đồng (chiếm 70,66% tổng chi phí). Giá vốn hàng bán của Công ty mẹ bao gồm Giá vốn bán điện, Giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý và Giá vốn cho thuê. Sang đến 6 tháng đầu năm 2026, tổng chi phí Công ty mẹ đạt gần 18,30 tỷ đồng. Trong đó, giá vốn hàng bán đạt 12,27 tỷ đồng (chiếm 67,05% tổng chi phí).

Giá vốn bán điện bao gồm chi phí khấu hao hệ thống điện mặt trời, chi phí nhân công, chi phí dịch vụ mua ngoài; trong đó, chi phí khấu hao chiếm tỷ trọng lớn nhất. Hiện tại, hệ thống điện mặt trời được khấu hao theo phương pháp đường thẳng nên chi phí khấu hao thay đổi không đáng kể giữa các năm. Trong năm 2025, giá vốn bán điện là 6,47 tỷ đồng, tăng 8,41% so với năm 2024. Đến hết 6 tháng đầu năm 2026, giá vốn bán điện là đạt gần 3,57 tỷ đồng (chiếm 19,49% tổng chi phí).

Giá vốn hoạt động dịch vụ tư vấn, quản lý bao gồm chi phí nhân công, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác. Trong năm 2025 giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý đạt mức 15,15 tỷ đồng (chiếm 49,10% tổng chi phí), tăng 4% so với năm 2024. Sang đến năm 2026, giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý 6 tháng đầu năm là 8,61 tỷ đồng (chiếm 47,07% tổng chi phí)

Chi phí tài chính của Công ty mẹ bao gồm chi phí lãi vay và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư (cụ thể là dự phòng khoản đầu tư tại công ty con hoạt động lỗ), trong đó, chủ yếu là chi



phí lãi vay. Năm 2025, chi phí tài chính đạt 1,11 tỷ đồng, tương đương với chi phí tài chính năm 2024. Sang 6 tháng đầu năm 2026, chi phí tài chính của Công ty mẹ là 736 triệu đồng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí nhân viên quản lý, chi phí thuê văn phòng,... Năm 2025 chi phí này đạt mức 7,77 tỷ đồng (chiếm 25,20% tổng chi phí), tăng 26,08% so với năm 2024. Chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty mẹ trong 6 tháng đầu năm 2026 là 5,28 tỷ đồng (chiếm 28,86% tổng chi phí).

Tổng chi phí hợp nhất của Công ty năm 2024, năm 2025 và 6 tháng đầu năm 2026 lần lượt đạt 99,28 tỷ đồng, 94,11 tỷ đồng và 74,05 tỷ đồng. Trong cơ cấu chi phí, giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất, tương ứng 67,72%, 73,26% và 71,73% tổng chi phí qua các kỳ, chủ yếu là giá vốn hoạt động bán điện. Cụ thể, giá vốn bán điện năm 2024 đạt 53,50 tỷ đồng. Năm 2025, giá vốn bán điện tăng lên 57,39 tỷ đồng, tương ứng tăng 7,19% so với năm 2024. Trong 6 tháng đầu năm 2026, giá vốn bán điện hợp nhất đạt gần 46,64 tỷ đồng, chiếm 62,99% tổng chi phí hợp nhất. Mức tăng của giá vốn bán điện trong kỳ chủ yếu xuất phát từ việc Công ty hợp nhất Công ty Cổ phần SD Trường Thành từ tháng 3/2026, làm gia tăng quy mô tài sản và sản lượng điện phát, qua đó kéo theo chi phí sản xuất điện hợp nhất tăng tương ứng trong 6 tháng đầu năm 2026.

Hoạt động tư vấn, quản lý được thực hiện tại Công ty mẹ như đã trình bày ở trên. Giá vốn hoạt động này năm 2024, năm 2025 và 6 tháng đầu năm 2026 đạt mức lần lượt là 8,59 tỷ đồng (chiếm 8,65% tổng chi phí), 8,87 tỷ đồng (chiếm 9,42% tổng chi phí) và 5,13 tỷ đồng (chiếm 6,92% tổng chi phí). Tương tự với mức tỷ trọng nhỏ so với tổng chi phí là giá vốn hoạt động cho thuê khung giàn nhà xưởng tại các công ty con, đạt mức 5,15% trong năm 2024, 2,86% trong năm 2025 và 1,82% trong 6 tháng đầu năm 2026.

Ngoài giá vốn hàng bán, chi phí tài chính cũng là khoản mục chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí hợp nhất của Công ty. Chi phí tài chính hợp nhất năm 2024 là 22,87 tỷ đồng, chiếm 23,03% tổng chi phí. Năm 2025, chi phí tài chính đạt 15,80 tỷ đồng, giảm 30,90% so với năm 2024 và chiếm 16,79% tổng chi phí. Trong 6 tháng đầu năm 2026, chi phí tài chính hợp nhất đạt 14,33 tỷ đồng, chiếm 19,36% tổng chi phí. Chi phí tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay phục vụ đầu tư các dự án điện mặt trời. Mặc dù việc hợp nhất Công ty Cổ phần SD Trường Thành từ tháng 3/2026 làm gia tăng quy mô dư nợ vay hợp nhất, qua đó làm tăng chi phí lãi vay trong kỳ, Công ty vẫn thực hiện trả nợ gốc theo đúng kế hoạch đối với các khoản vay hiện hữu. Trong các kỳ tiếp theo, cùng với tiến độ giảm dần dư nợ vay và việc tối ưu cơ cấu nguồn vốn, chi phí lãi vay dự kiến sẽ có xu hướng giảm, góp phần cải thiện hiệu quả hoạt động tài chính của Công ty.

Chi phí quản lý doanh nghiệp hợp nhất năm 2025 là 9,11 tỷ đồng, tăng 14,73% so với năm 2024. Sang 6 tháng đầu năm 2026, chi phí quản lý doanh nghiệp hợp nhất đạt mức gần 6,49 tỷ đồng. Chi phí này phần lớn phát sinh từ Công ty mẹ như đã trình bày ở trên.

• **Các thông tin chi tiết về chi phí khác:**

Tại Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Thông tin về tình hình chậm nộp thuế
Chi phí khác	14.879.959	162.746.894	
Trong đó: Tiền chậm nộp thuế TNDN	11.790.000	14.700.000	+ Năm 2024: Đây là khoản tiền chậm nộp thuế TNDN năm 2023, được tính chậm nộp từ ngày 31/01/2024 đến ngày nộp thuế TNDN (tháng 3/2024). + Năm 2025: Đây là khoản tiền chậm nộp thuế TNDN năm 2024, được tính chậm nộp từ ngày 31/01/2025 đến ngày nộp thuế TNDN (tháng 3/2025).

Tính đến ngày 31/12/2025, Công ty đã nộp đầy đủ thuế TNDN đã kê khai từ năm 2024 trở về trước. Tính đến thời điểm lập bản cáo bạch này, Công ty đã hoàn thành việc nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2025.

Tại Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
Chi phí khác	1.237.241.547	247.288.431	
Trong đó tiền chậm nộp thuế TNDN	935.136.186	85.294.676	- Năm 2024: Đây là khoản tiền chậm nộp thuế TNDN năm 2021, 2022, 2023, trong đó: + Tiền chậm nộp thuế TNDN năm 2021, 2022 phát sinh do công ty thực hiện tính toán lại thuế TNDN hiện hành phải nộp của các năm này. + Tiền chậm nộp thuế TNDN năm 2023 được tính chậm nộp từ ngày 31/01/2024 đến ngày nộp thuế TNDN (tháng 3/2024). - Năm 2025: Đây là khoản tiền chậm nộp thuế TNDN năm 2024, được tính chậm nộp từ ngày 31/01/2025 đến ngày nộp thuế TNDN (tháng 3/2025).

Chi tiết tiền chậm nộp thuế TNDN đã nộp năm 2024 cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số tiền
- Tiền chậm nộp thuế TNDN 2021	444.681.713
- Tiền chậm nộp thuế TNDN 2022	258.334.418
- Tiền chậm nộp thuế TNDN 2023	232.120.055
Tổng tiền chậm nộp thuế TNDN ghi nhận năm 2024	935.136.186

Tính đến ngày 31/12/2025, Công ty đã nộp đầy đủ thuế TNDN đã kê khai từ năm 2024 trở về trước. Tính đến ngày lập bản cáo bạch này, Công ty đã nộp đầy đủ thuế TNDN đã kê khai năm 2025.

❖ **Thông tin về chi phí trả trước/chi phí chờ phân bổ của Công ty:**

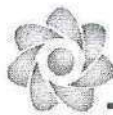
- Chi tiết các khoản chi phí trả trước của Công ty mẹ

Tại Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Thuyết minh số 7 – Chi phí trả trước:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2025	Thông tin	Tình hình khoản mục
Ngắn hạn				
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	48.655.915	758.639.459	- Tại ngày 31/12/2024 và tại ngày 31/12/2025: Đây là khoản tiền thuê trả trước có thời hạn dưới 12 tháng.	- Tại ngày 31/12/2024: Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí trong năm 2025. - Tại ngày 31/12/2025: Các khoản tiền thuê trả trước ghi nhận chờ phân bổ. Dự kiến phân bổ xong trong năm 2026
Chi phí sửa chữa mái		482.960.932	- Tại ngày 31/12/2025: Đây là khoản chi phí sửa chữa phát sinh trong năm 2025, công ty thực hiện phân bổ trong vòng 12 tháng.	- Tại ngày 31/12/2025: Chi phí sửa chữa mái chờ phân bổ trong năm 2026. Dự kiến phân bổ xong trong năm 2026.
Chi phí tư vấn chào bán cổ phiếu	315.000.000	315.000.000	- Tại ngày 31/12/2024 và tại ngày 31/12/2025: Đây là khoản chi phí phát sinh từ hợp đồng tư vấn Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng ký ngày 28/02/2024 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Chứng Khoán Nhất Việt.	- Tại ngày 31/12/2025: Chi phí tư vấn chào bán cổ phiếu chờ phân bổ. - Bổ sung thông tin sau ngày 31/12/2025: Công ty đã ghi nhận là một khoản thặng dư vốn cổ phần căn cứ theo Báo cáo về vốn điều lệ đã góp tăng thêm và thặng dư vốn cổ phần đã được kiểm toán ngày 08/04/2026.
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	145.794.144	137.950.671	- Tại ngày 31/12/2024 và tại ngày 31/12/2025: Đây là các khoản chi phí trả trước của công ty, như chi phí bảo hiểm, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thí nghiệm điện, được công ty phân bổ với thời gian dưới 12 tháng.	- Tại ngày 31/12/2024: Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí trong năm 2025. - Tại ngày 31/12/2025: Chi phí trả trước ngắn hạn khác chờ phân bổ. Công ty dự kiến phân bổ xong trong năm 2026.
TỔNG CỘNG	509.450.059	1.694.551.062		
Dài hạn				



Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2025	Thông tin	Tình hình khoản mục
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước, trong đó:	848.419.492	516.657.160	- Tại ngày 31/12/2024 và tại ngày 31/12/2025: Đây là khoản tiền thuê trả trước có thời hạn trên 12 tháng.	- Tại ngày 31/12/2024: Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí theo thời gian phân bổ đã ghi nhận. - Tại ngày 31/12/2025: Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí theo thời gian phân bổ đã ghi nhận.
	508.949.496	198.404.040	Chi phí thuê mái phân bổ 24 tháng.	Công ty dự kiến khoản cuối cùng phân bổ vào năm 2027.
	339.469.996	318.253.120	Chi phí thuê mái phân bổ 240 tháng.	Công ty dự kiến khoản cuối cùng phân bổ vào năm 2040.
Sửa chữa và cải tạo văn phòng	-	1.338.442.533	- Tại ngày 31/12/2025: Đây là chi phí sửa chữa và cải tạo văn phòng trụ sở chính công ty, có thời gian chờ phân bổ là 03 năm.	- Tại ngày 31/12/2025: Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí theo thời gian phân bổ đã ghi nhận. Công ty dự kiến đến năm 2028 sẽ thực hiện phân bổ xong.
Chi phí trả trước dài hạn khác	21.789.224	191.928.012	- Tại ngày 31/12/2024 và tại ngày 31/12/2025: Đây là các khoản chi phí trả trước của công ty, như chi phí internet, quyền sử dụng phần mềm,...có thời gian phân bổ trên 12 tháng.	- Tại ngày 31/12/2024: Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí theo thời gian phân bổ đã ghi nhận. Các khoản chi phí trả trước có thời gian phân bổ từ trên 1 năm đến 3 năm, khoản cuối cùng dự kiến phân bổ hết vào năm 2027 - Tại ngày 31/12/2025: Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí theo thời gian phân bổ đã ghi nhận. Các khoản chi phí trả trước có thời gian phân bổ từ trên 1 năm đến 3 năm, khoản cuối cùng dự kiến phân bổ hết vào năm 2028.
TỔNG CỘNG	870.208.716	2.047.027.705		

• Chi tiết các khoản chi phí trả trước (Hợp nhất) năm 2024 và năm 2025

Tại Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:



Thuyết minh số 7 – Chi phí trả trước

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2025	Thông tin	Tình hình khoản mục
Ngắn hạn				
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	724.952.347	1.457.967.416	- Tại ngày 31/12/2024 và tại ngày 31/12/2025: Đây là khoản tiền thuê trả trước có thời hạn dưới 12 tháng.	- Tại ngày 31/12/2024: Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí trong năm 2025. - Tại ngày 31/12/2025: Các khoản tiền thuê trả trước ghi nhận chờ phân bổ. Công ty dự kiến phân bổ xong trong năm 2026.
Chi phí sửa chữa mái	-	482.960.932	- Tại ngày 31/12/2025: Đây là khoản chi phí sửa chữa nhỏ phát sinh trong năm 2025, công ty thực phân bổ trong vòng 12 tháng.	- Tại ngày 31/12/2025: Chi phí sửa chữa mái chờ phân bổ. Công ty dự kiến phân bổ xong trong năm 2026.
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	764.681.833	707.049.665	- Tại ngày 31/12/2024 và tại ngày 31/12/2025: Bao gồm 315.000.000 VND chi phí tư vấn chào bán cổ phiếu (đã trình bày tại báo cáo riêng) và các khoản chi phí trả trước của công ty, như chi phí bảo hiểm, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thí nghiệm điện, ... được công ty phân bổ với thời gian dưới 12 tháng.	- Tại ngày 31/12/2024: Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí trong năm 2025. - Tại ngày 31/12/2025: Chi phí trả trước ngắn hạn chờ phân bổ, dự kiến phân bổ xong trong năm 2026, ngoại trừ khoản chi phí tư vấn chào bán cổ phiếu Công ty. <i>Thông tin bổ sung sau ngày 31/12/2025:</i> Riêng đối với khoản chi phí tư vấn chào bán cổ phiếu, Công ty đã ghi nhận là một khoản thặng dư vốn cổ phần căn cứ theo Báo cáo về vốn điều lệ đã góp tăng thêm và thặng dư vốn cổ phần đã được kiểm toán ngày 08/04/2026.
TỔNG CỘNG	1.489.634.180	2.647.978.013		
Dài hạn				
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	1.269.704.229	8.076.242.703		- Tại ngày 31/12/2024: Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí trong năm 2025. - Tại ngày 31/12/2025:



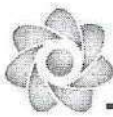
Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2025	Thông tin	Tình hình khoản mục
				Các khoản tiền thuê trả trước ghi nhận chờ phân bổ.
<i>Trong đó</i>				
	854.164.496	7.746.404.040	Các khoản thuê mái có thời gian phân bổ 24 tháng.	Công ty dự kiến khoản cuối cùng phân bổ vào năm 2027.
	415.539.733	329.838.663	Các khoản thuê mái, thuê đất có thời gian phân bổ từ 17-20 năm.	Công ty dự kiến khoản cuối cùng phân bổ vào năm 2040.
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	1.338.442.533	- Tại ngày 31/12/2025: Đây là chi phí sửa chữa và cải tạo văn phòng trụ sở chính công ty, có thời gian chờ phân bổ là 03 năm.	- Tại ngày 31/12/2025: Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí theo thời gian phân bổ đã ghi nhận. Công ty dự kiến khoản cuối cùng phân bổ vào năm 2028.
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.089.502.976	866.387.266	- Tại ngày 31/12/2024 và tại ngày 31/12/2025: Đây là các khoản chi phí trả trước của công ty, như chi phí tài trợ các khoản vay chi phí internet, quyền sử dụng phần mềm, công cụ dụng cụ,...có thời gian phân bổ trên 12 tháng.	- Tại ngày 31/12/2024: Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí theo thời gian phân bổ đã ghi nhận. - Tại ngày 31/12/2025: Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí theo thời gian phân bổ đã ghi nhận.
TỔNG CỘNG	2.359.207.205	10.281.072.502		

• **Chi tiết các khoản chi phí chờ phân bổ (Hợp nhất) 6 tháng năm 2026**

Tại Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Thuyết minh số V6 – Chi phí chờ phân bổ:

Chỉ tiêu	Tại ngày 30/06/2026	Thông tin	Tình hình khoản mục
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn			
Chi phí thuê đất, thuê mái, thuê văn phòng	1.337.615.663	- Tại ngày 30/06/2026: Đây là các khoản tiền thuê mái, thuê đất trả trước, thuê văn phòng có thời hạn trả trước 12 tháng và dưới 12 tháng.	- Tại ngày 30/06/2026: Các khoản tiền thuê trả trước ghi nhận chờ phân bổ.
Chi phí sửa chữa mái	113.287.132	- Tại ngày 30/06/2026: Đây là khoản chi phí sửa chữa nhỏ phát sinh trong năm 2025, công ty phân bổ trong vòng 12 tháng từ ngày 27/08/2025 đến ngày 26/08/2026.	- Tại ngày 30/06/2026: Chi phí sửa chữa mái phân bổ cho thời gian sau 30/06/2026 ghi nhận chờ phân bổ.



Chỉ tiêu	Tại ngày 30/06/2026	Thông tin	Tình hình khoản mục
Chi phí bảo hiểm	752.955.163	- Tại ngày 30/06/2026: Đây là các khoản chi phí bảo hiểm cháy nổ tại các dự án điện mặt trời của Công ty. Chi phí bảo hiểm trả trước cho thời gian 12 tháng, khoản trả trước có thời gian phân bổ cuối cùng vào 31/03/2027.	- Tại ngày 30/06/2026: Chi phí bảo hiểm cháy nổ trả trước cho thời gian sau 30/06/2026 được ghi nhận chi phí chờ phân bổ và Công ty tiếp tục thực hiện phân bổ cho đến hết thời gian trả trước.
Các khoản chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	991.291.576	- Tại ngày 30/06/2026: Các khoản chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác bao gồm các khoản chi phí trả trước cho chu kỳ 12 tháng và dưới 12 tháng như chi phí quản lý vận hành đường dây, chi phí công cụ dụng cụ, phòng cháy chữa cháy, kiểm định, các chi phí internet và một số gói phần mềm, dịch vụ,...	- Tại 30/06/2026: Các khoản chi phí ghi nhận chờ phân bổ, công ty tiếp tục thực hiện phân bổ cho các kỳ tiếp theo,
Tổng cộng	3.195.149.534		
Chi phí chờ phân bổ dài hạn			
Chi phí thuê đất, thuê mái	18.463.312.014	- Tại 30/06/2026: Đây là khoản tiền thuê mái, thuê đất trả trước có thời hạn trên 12 tháng.	- Tại 30/06/2026: Các khoản tiền thuê trả trước ghi nhận chờ phân bổ.
Trong đó	5.704.131.312	+ Các khoản chi phí trả trước tiền thuê mái có thời gian phân bổ 35 tháng. Khoản chi phí chờ phân bổ có thời gian phân bổ cuối cùng vào 31/12/2027.	
	307.644.682	+ Khoản tiền thuê đất có thời gian phân bổ 20 năm đến 31/12/2040.	
	12.451.536.020	+ Tiền thuê đất của Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2 trả trước trong 49 năm từ năm 2019 đến năm 2068.	
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	10.444.460.325	- Đây là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng để thực hiện xây dựng Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2 (Công ty cổ phần SD Trường Thành) còn lại sau khi khấu trừ với tiền thuê đất trả trước 50 năm được phê duyệt. Công ty thực hiện phân bổ chi phí này theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ đến hết thời gian sử dụng đất, tức năm 2068.	- Tại 30/06/2026: Các khoản tiền thuê trả trước ghi nhận chờ phân bổ.
Chi phí sửa chữa nhà máy, văn phòng	2.655.715.205	- Tại ngày 30/06/2026: Đây là các chi phí thi công sửa chữa nhà máy Thuận Minh 2 và sửa chữa, cải tạo văn phòng trụ sở chính công ty, có thời gian phân bổ trên 12 tháng.	- Tại 30/06/2026: Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí theo thời gian phân bổ đã ghi nhận.
Trong đó	1.421.661.473	+ Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng có thời gian chờ phân bổ là 36 tháng,	
	1.234.053.732	+ Chi phí thi công, sửa chữa nhà máy Thuận Minh 2 có thời gian chờ phân bổ 36 tháng	



Chỉ tiêu	Tại ngày 30/06/2026	Thông tin	Tình hình khoản mục
Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	1.259.097.556	- Tại 30/06/2026: Đây là các khoản chi phí trả trước của Công ty có thời hạn trên 12 tháng như quyền sử dụng phần mềm, công cụ dụng cụ, internet, chi phí kiểm định...	- Tại 30/06/2026: Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí theo thời gian phân bổ đã ghi nhận.
Tổng cộng	32.822.585.100		

10.2. Tài sản

10.2.1. Tài sản cố định năm 2025

Bảng 14: Tình hình tài sản tại ngày 31/12/2025 (Công ty mẹ)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/NG
I. Tài sản cố định hữu hình	53.073	32.378	61,01%
1. Nhà cửa, vật kiến trúc	229	153	66,59%
2. Máy móc, thiết bị	18.599	10.379	55,80%
3. Thiết bị văn phòng	102	18	17,65%
4. Phương tiện truyền dẫn	5.667	2.865	50,56%
5. Tấm pin mặt trời	28.476	18.963	66,59%
II. Tài sản cố định vô hình	-	-	-
Tổng cộng	53.073	32.378	61,01%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Helio Energy)

Bảng 15: Tình hình tài sản tại ngày 31/12/2025 (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/NG
I. Tài sản cố định hữu hình	484.452	293.415	60,57%
1. Nhà cửa, vật kiến trúc	8.013	4.822	60,17%
2. Máy móc, thiết bị	149.570	80.871	54,07%
3. Thiết bị văn phòng	102	18	17,65%
4. Phương tiện truyền dẫn	85.770	44.125	51,45%
5. Tấm pin mặt trời	240.997	163.579	67,88%
II. Tài sản cố định vô hình	-	-	-
Tổng cộng	484.452	293.415	60,57%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Helio Energy)

Tài sản cố định của Công ty chủ yếu là các tài sản hữu hình phục vụ hoạt động sản xuất điện mặt trời. Trong đó, tấm pin mặt trời và máy móc thiết bị (bao gồm các máy biến áp, thiết bị inverter và các thiết bị điện khác) là hai loại tài sản chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản cố định của Công ty, với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025 tương ứng là 58,57% và 32,05% tại BCTC riêng; 55,75% và 27,56% tại BCTC hợp nhất. Các tài sản cố định hữu hình còn lại là



nhà cửa, vật kiến trúc (chủ yếu là hệ thống hàng rào, đường nội bộ, nhà điều khiển) và phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn (chủ yếu là hệ thống dây dẫn, hệ thống chống sét và các thiết bị khác) với giá trị còn lại chỉ chiếm tỷ trọng khoảng 9,38% trong cơ cấu tài sản cố định tại BCTC riêng và 16,68% trong cơ cấu tài sản cố định tại BCTC hợp nhất.

10.2.2. Tài sản cố định năm 2026

Bảng 16: Tình hình tài sản tại ngày 30/06/2026 (Công ty mẹ)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/NG
I. Tài sản cố định hữu hình	53.228	30.446	57,20%
1. Nhà cửa, vật kiến trúc	229	145	63,25%
2. Máy móc, thiết bị	18.599	9.556	51,38%
3. Thiết bị, dụng cụ quản lý	257	153	59,34%
4. Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5.667	2.578	45,50%
5. Tắm pin mặt trời	28.476	18.014	63,26%
II. Tài sản cố định vô hình	-	-	-
Tổng cộng	53.228	30.446	57,20%

(Nguồn: BCTC riêng bán niên năm 2026 đã được soát xét của Công ty cổ phần Helio Energy)

Bảng 17: Tình hình tài sản tại ngày 30/06/2026 (Hợp nhất)

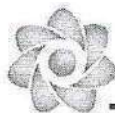
Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/NG
I. Tài sản cố định hữu hình	1.370.295	814.177	59,42%
1. Nhà cửa, vật kiến trúc	241.843	154.223	63,77%
2. Máy móc, thiết bị	360.997	188.496	52,22%
3. Thiết bị, dụng cụ quản lý	257	153	59,34%
4. Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	86.434	39.638	45,86%
5. Tắm pin mặt trời	680.651	431.667	63,42%
6. Tài sản cố định khác	112	-	-
II. Tài sản cố định vô hình	-	-	-
Tổng cộng	1.370.295	814.177	60,97%

(Nguồn: BCTC hợp nhất bán niên năm 2026 đã được soát xét của Công ty cổ phần Helio Energy)

Trong tháng 3 năm 2026, Công ty cổ phần SD Trường Thành chính thức trở thành công ty con của Công ty cổ phần Helio Energy, dẫn đến sự gia tăng đáng kể về quy mô tổng tài sản hợp nhất tại thời điểm ngày 30/06/2026.

Mặc dù quy mô tài sản tăng mạnh do hợp nhất, cơ cấu tài sản nhìn chung không có sự biến động đáng kể. Tài sản cố định vẫn chiếm tỷ trọng chủ đạo, trong đó tập trung chủ yếu vào hệ thống tắm pin mặt trời và máy móc thiết bị, bao gồm máy biến áp, thiết bị inverter và các thiết bị điện liên quan phục vụ hoạt động sản xuất và vận hành các dự án năng lượng.



- Chi tiết về **khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư (Mã số 02) trong Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ:**

Nội dung	Giá trị	Ghi chú trích dẫn theo thuyết minh BCTC
Khấu hao TSCĐ phân bổ trong kỳ (a)	33.033.618.107	Thuyết minh V7 - Tài sản cố định
Khấu hao BĐS phân bổ trong kỳ (b)	1.197.457.856	Thuyết minh V8- Bất động sản đầu tư cho thuê
Lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ (c)	148.339.788	Thuyết minh V9 - Lợi thế thương mại
Lãi từ giao dịch mua rẻ (d)	71.849.025.004	Thuyết minh I.5a
Chỉ tiêu 02 - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư (02) = (a) + (b) + (c) - (d)	(37.469.609.253)	

10.2.3. Lợi thế thương mại

Tại Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025: Không phát sinh.

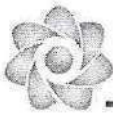
Tại Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Căn cứ theo Khoản 9 – Điều 10: Nguyên tắc chung khi lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất – Thông tư số 202/2014/TT-BTC – Thông tư hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo hợp nhất do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và đoạn 55 của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 12 năm 2005, Công ty ghi nhận lợi thế thương mại như sau:

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, cuối mỗi năm tài chính, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua (lãi từ giao dịch mua rẻ (lợi thế thương mại âm)), phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cụ thể thông tin về lợi thế thương mại công ty đang ghi nhận như sau:

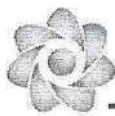


Đơn vị tính: VND

Công ty	Lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh	Giá trị phân bổ hàng năm	Giá trị còn lại tại 31/12/2024	Giá trị còn lại tại 31/12/2025	Năm thực hiện giao dịch hợp nhất kinh doanh	Thời gian phân bổ lợi thế thương mại
Công Ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam	653.812.196	65.381.220	484.910.711	419.529.491	Năm 2022	10 năm
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Thành Thắng	817.205.281	81.720.528	606.093.917	524.373.389	Năm 2022	10 năm
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Duy Đình	595.896.948	59.589.696	441.956.903	382.367.207	Năm 2022	10 năm
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	672.236.435	67.223.640	498.575.354	431.351.714	Năm 2022	10 năm
Công Ty TNHH Quang Trung Việt Nam	227.644.870	22.764.492	168.836.610	146.072.118	Năm 2022	10 năm
Tổng cộng	2.966.795.730	296.679.576	2.200.373.495	1.903.693.919		

10.2.4. Bất động sản đầu tư

Tại Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:



Đơn vị tính: VND

Bất động sản đầu tư	BCTC 2025	BCTC 2024
Nguyên giá		
Số đầu năm	2.382.833.161	2.382.833.161
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	2.382.833.161	2.382.833.161
Giá trị khấu hao lũy kế		
Số đầu năm	635.422.176	476.566.632
- Hao mòn trong năm	158.855.544	158.855.544
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	794.277.720	635.422.176
Giá trị còn lại:	-	-
Số đầu năm	1.747.410.985	1.906.266.529
Số cuối năm	1.588.555.441	1.747.410.985

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm hệ thống khung giàn nhà xưởng do Công ty sở hữu và cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng năng lượng Oscar thuê với thời gian cho thuê là 05 (năm) năm, từ năm 2023. Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản là 15 năm. Trong năm 2024 và năm 2025, Công ty không có hoạt động thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư.

Tại Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Đơn vị tính: VND

Bất động sản đầu tư	BCTC 2025	BCTC 2024
Nguyên giá		
Số đầu năm	35.093.712.424	67.768.155.812
- Thanh lý, nhượng bán	-	(32.674.443.388)
Số cuối năm	35.093.712.424	35.093.712.424
Giá trị khấu hao lũy kế		
Số đầu năm	8.944.854.905	13.123.351.709
- Hao mòn trong năm	2.394.915.712	4.520.232.700
- Thanh lý, nhượng bán	-	(8.698.729.504)
Số cuối năm	11.339.770.617	8.944.854.905
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm	26.148.857.519	54.644.804.103
Số cuối năm	23.753.941.807	26.148.857.519

Bất động sản đầu tư của Công ty và các công ty con bao gồm hệ thống khung giàn nhà xưởng do Công ty và các công ty con sở hữu và cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng năng



lượng Oscar thuê với thời gian cho thuê là 05 (năm) năm, Công ty mẹ cho thuê từ năm 2023, các công ty con cho thuê từ năm 2022. Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản là 15 năm.

Trong năm 2024, một số công ty con của Công ty đã thực hiện ký biên bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng cho thuê trước hạn và nhượng bán bất động sản đầu tư là hệ thống khung giàn nhà xưởng với giá nhượng bán là 28.900.000.000 VND (chưa bao gồm VAT), giá trị còn lại của bất động sản tại thời điểm thực hiện nhượng bán là 23.975.713.884 VND. Trong năm 2025, các công ty con của Công ty đã thu được toàn bộ số tiền liên quan đến nhượng bán bất động sản đầu tư.

10.3. Thị trường hoạt động

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty và các công ty con chỉ thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam, toàn bộ doanh thu và lợi nhuận của Công ty từ năm 2021 đến thời điểm hiện tại là tại thị trường trong nước.

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Thực hiện theo định hướng chiến lược của HĐQT, Helio Energy đã tập trung đầu tư vào các doanh nghiệp, dự án trong lĩnh vực năng lượng tái tạo với kỳ vọng mang lại hiệu suất đầu tư cao.

Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện M&A các công ty sở hữu các dự án điện mặt trời mái nhà. Đến năm 2026, Công ty tiếp tục mở rộng quy mô thông qua việc hợp nhất Công ty Cổ phần SD Trường Thành – đơn vị sở hữu Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2. Các dự án này đều đã được công nhận vận hành thương mại trong giai đoạn 2019–2020 và được hưởng mức giá bán điện ưu đãi theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam.

Bảng 18: Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2024 và 2025 của các công ty con trực tiếp của Công ty

STT	Công ty	Hoạt động kinh doanh chính	Tình hình hoạt động năm 2024	Tình hình hoạt động năm 2025
1	Công ty TNHH Apollo Power 4	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
2	Công ty TNHH Ampire Power 4	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
3	Công ty TNHH Omega Power 3	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lãi
4	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
5	Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
6	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
7	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
8	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi



STT	Công ty	Hoạt động kinh doanh chính	Tình hình hoạt động năm 2024	Tình hình hoạt động năm 2025
9	Công ty TNHH KCP Energy	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
10	Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
11	Công ty TNHH New Power Việt Nam	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
12	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
13	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
14	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
15	Công ty TNHH Two Brothers Energy	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
16	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
17	Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
18	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
19	Công ty TNHH Solar Việt	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
20	Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
21	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
22	Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
23	Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
24	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
25	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
26	Công ty Cổ phần SD Trường Thành	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi

Chi tiết các khoản Đầu tư tài chính năm 2024 và năm 2025 như sau:

Tại Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Đơn vị tính: VND

	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 31/12/2025			Lĩnh vực kinh doanh chính	Tình hình SXKD năm 2024		Tình hình SXKD năm 2025	
Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng		Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế
Đầu tư vào công ty con											
Công ty TNHH Apollo Power 2	100%	10.037.500.000	-	0%	-	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	1.561.984.617	377.481.837	Đã thoái vốn từ tháng 10/2025	
Công ty TNHH Apollo Power 4 (*)	100%	10.095.000.000	(184.581.547)	100%	10.095.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	4.890.527.458	270.772.753	4.986.041.202	601.637.817
Công ty TNHH Ampire Power 4	100%	10.050.000.000	-	100%	10.050.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.639.931.374	179.161.347	2.676.850.175	992.252.079
Công ty TNHH Omega Power 3 (**)	100%	10.100.000.000	(472.563.844)	100%	10.100.000.000	(61.363.532)	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	3.308.067.139	(131.942.090)	3.362.643.357	411.200.312
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	100%	10.023.000.000	-	100%	10.023.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	1.288.995.180	207.354.379	1.258.868.405	588.571.089
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.943.163.862	566.695.741	2.576.816.835	1.063.410.755

Công ty	Tại ngày 31/12/2024				Tại ngày 31/12/2025				Lĩnh vực kinh doanh chính	Tình hình SXKD năm 2024		Tình hình SXKD năm 2025	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc		Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.965.368.754	600.156.228	2.562.543.835	1.008.662.890
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.910.246.329	558.217.901	2.486.071.140	459.535.720
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.984.005.431	513.601.660	2.598.648.408	645.359.070
Công ty TNHH KCP Energy	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.979.663.603	560.950.367	2.608.557.948	927.349.847
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.977.322.774	539.764.490	2.528.578.173	470.614.765
Công ty TNHH New Power Việt Nam	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	3.033.320.761	606.234.510	2.566.613.679	496.904.963
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.895.011.950	554.128.854	2.488.952.247	905.745.682

Công ty	Tại ngày 31/12/2024				Tại ngày 31/12/2025				Lĩnh vực kinh doanh chính	Tình hình SXKD năm 2024		Tình hình SXKD năm 2025	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc		Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.901.546.681	557.094.745	2.505.953.429	962.356.345
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phủ	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.937.946.472	575.300.000	2.530.527.457	500.521.742
Công ty TNHH Two Brothers Energy	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.970.054.410	583.019.240	2.552.944.223	962.452.886
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.915.259.821	533.112.390	2.519.310.918	503.738.171
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.970.704.085	571.359.445	2.557.228.162	1.033.606.943
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.841.605.343	426.048.556	2.493.009.857	428.195.573
Công ty TNHH Solar Việt	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.883.892.189	454.766.833	2.498.217.463	430.177.189



HelioEnergy

BẢN CÁO BẠCH

Công ty	Tại ngày 31/12/2024				Tại ngày 31/12/2025			Lĩnh vực kinh doanh chính	Tình hình SXKD năm 2024		Tình hình SXKD năm 2025	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng			Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	3.060.643.769	578.683.963	552.381.251	2.644.226.175	552.381.251
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	3.069.899.139	565.337.391	691.343.173	2.656.923.028	691.343.173
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	100%	6.000.000.000	-	100%	6.000.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	3.011.815.366	635.524.641	563.325.142	2.829.738.686	563.325.142
Công ty TNHH MTV Nghiên cứu Brothers Energy	100%	6.000.000.000	-	100%	6.000.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.970.637.965	619.909.265	537.980.807	2.797.290.040	537.980.807
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam (*)	100%	6.000.000.000 (113.691.902)	-	100%	6.000.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	3.039.679.427	528.199.762	539.841.910	2.857.342.668	539.841.910
Công ty TNHH Carnation Việt Nam (*)	100%	6.000.000.000 (104.861.906)	-	100%	6.000.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	3.014.434.056	500.620.788	511.172.970	2.830.087.355	511.172.970



Công ty	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 31/12/2025			Lĩnh vực kinh doanh chính	Tình hình SXKD năm 2024		Tình hình SXKD năm 2025	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng		Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế
Tổng cộng đầu tư vào công ty con		184.805.500.000	(875.699.199)		174.768.000.000	(61.363.532)		75.965.727.955	12.531.554.996	66.973.984.865	16.788.339.091
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác											
Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha (***)		Chưa đầu tư		9,20%	46.000.000.000		Tái bảo hiểm	Chưa đầu tư		-	33.539.151
Tổng cộng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-		46.000.000.000	-				-	33.539.151

(*) Đến 31/12/2025, các công ty con của Công ty đã hoàn nhập toàn bộ dự phòng đã trích lập trước đó.

(**) Đến 31/12/2025, Công ty TNHH Omega Power 3 còn (61.363.532) VND chưa hoàn nhập dự phòng, công ty dự kiến sẽ hoàn nhập trong năm 2026.

(***) Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Alpha được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngày 19 tháng 11 năm 2025, do đó, trong năm 2025, Công ty này chưa phát sinh doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính, lợi nhuận sau thuế đến từ doanh thu tài chính của doanh nghiệp.

Cơ sở trích lập dự phòng:

Công ty thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng từ năm 2021 (Năm hợp nhất kinh doanh) theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư 24/2022/TT-BTC có hiệu lực kể từ ngày 25/05/2022. Đến năm 2024 và 2025, các công ty này có kết quả kinh doanh dương, Công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng theo lợi nhuận tăng lên từng năm, số trích lập dự phòng năm 2025 sẽ nhỏ hơn số trích lập dự phòng 2024.

Căn cứ hoàn nhập dự phòng: Theo điểm c, Khoản 1 điều 5 – thông tư 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019: “c) Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm nếu giá trị đầu tư thực tế của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán của doanh nghiệp bị suy giảm so với giá thị trường thì doanh nghiệp phải trích lập dự phòng theo các quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này và các quy định sau:

...



- Nếu số dự phòng phải trích lập kỳ này thấp hơn số dự khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán đã trích lập ở báo cáo năm trước đang ghi trên sổ kế toán, doanh nghiệp thực hiện hoàn nhập phân chênh lệch và ghi giảm chi phí trong kỳ.

Về giá gốc đầu tư một số dự án có sự tương đồng: nguyên nhân xuất phát từ việc các công ty được đầu tư có đặc điểm dự án tương tự nhau về công suất, trang thiết bị và địa điểm triển khai. Trên cơ sở đó, Công ty thực hiện đánh giá các công ty này có giá trị tương đồng nhau, và thực hiện mua theo vốn điều lệ của từng công ty.

Tại Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Công ty	Tại 31/12/2024		Tại 31/12/2025		Lĩnh vực kinh doanh chính	Tình hình SXKD năm 2024		Tình hình SXKD năm 2025	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư		Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết									
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	40,00%	3.933.000.000	40,00%	3.933.000.000	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.363.379.779	39.367.843	2.171.153.212	22.853.744
Công ty TNHH VVT Việt Nam	38,00%	3.337.000.000	38,00%	3.337.000.000	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.910.919.878	95.080.828	2.755.160.447	119.387.969
Công ty TNHH NVP Việt Nam	48,00%	4.225.100.000	48,00%	4.225.100.000	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.927.319.674	604.761.219	2.719.137.434	387.089.721
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	46,00%	4.018.200.000	46,00%	4.018.200.000	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.811.229.748	429.315.413	2.641.272.102	294.194.652

Công ty	Tại 31/12/2024		Tại 31/12/2025		Lĩnh vực kinh doanh chính	Tình hình SXKD năm 2024		Tình hình SXKD năm 2025	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư		Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	47,00%	4.026.400.000	47,00%	4.026.400.000	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.751.577.589	412.272.956	2.554.934.725	244.490.744
Tổng cộng đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		19.539.700.000		19.539.700.000		13.764.426.668	1.580.798.259	12.841.657.920	1.068.016.830
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác									
Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha (*)		Chưa đầu tư	9,20%	46.000.000.000	Tái bảo hiểm	Chưa đầu tư		-	33.539.151
Tổng cộng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				46.000.000.000				-	33.539.151

(*) Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Alpha được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngày 19 tháng 11 năm 2025, do đó, trong năm 2025, Công ty này chưa phát sinh doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính, lợi nhuận sau thuế từ doanh thu tài chính của doanh nghiệp.

(Phần dưới của trang này được cố tình để trống)



- **Chứng khoán kinh doanh tại Công ty:** Công ty mua chứng chỉ Quỹ Đầu tư Trái phiếu An toàn Amber với giá mua đầu tư ban đầu là 20.865.980.000 VND.

Căn cứ theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC, do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 10 năm 2025 – Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là “Thông tư 99”):

“ 1.2. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Các chi phí mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí ngân hàng,... được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.”

Căn cứ theo hướng dẫn trên, tại Mã số 121 – Chứng khoán kinh doanh công ty trình bày giá trị chứng khoán kinh doanh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

Ngoài ra, tại phần thuyết minh V2.a trong Báo cáo tài chính bán niên năm 2026, công ty trình bày nội dung: “ Là khoản đầu tư vào Quỹ đầu tư trái phiếu an toàn Amber của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Amber, có giá trị hợp lý tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026 theo thông báo của Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Amber là 23.860.024.741 VND” theo hướng dẫn của Thông tư 99 về Thuyết minh Báo cáo tài chính, theo đó, khi trình bày Chứng khoán kinh doanh, Công ty phải thực hiện trình bày giá trị hợp lý, Cơ sở xác định giá trị hợp lý đối với chứng khoán kinh doanh tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

(Phần dưới của trang này được cố tình để trống)